**BỘ TƯ PHÁP**



**TÀI LIỆU**

**HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN TRIỂN KHAI LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

*Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2020*

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CHƯƠNG TRÌNH**  **HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN TRIỂN KHAI**  **LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA**  **LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP** |

**Chủ trì:** Thứ trưởng Bộ Tư pháp Phan Chí Hiếu

**Thời gian:** Bắt đầu từ 08h00 sáng ngày 18 tháng 12 năm 2020 **(thứ Sáu)**

**Địa điểm:** Điểm cầu Trung ương tại Bộ Tư pháp và 63 điểm cầu tại Cục Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc TW

| **Thời gian** | **Nội dung** | **Người thực hiện** |
| --- | --- | --- |
| 7h30 - 8h00 | Đón tiếp đại biểu | Ban Tổ chức |
| 8h00 - 8h10 | Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu | Lãnh đạo  Văn phòng Bộ Tư pháp |
| 8h10 - 8h25 | Trình bày những nội dung mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp | Lãnh đạo  Cục Bổ trợ tư pháp, BTP |
| 8h25 - 9h45 | Tham luận của một số Bộ, ngành, địa phương | Đại diện Bộ, ngành,  địa phương |
| 9h45 - 10h00 | *Giải lao* | |
| 10h00 - 11h15 | Trao đổi, thảo luận | **- Điều hành:**  Thứ trưởng  Phan Chí Hiếu  **- Thực hiện:**  Đại biểu các điểm cầu |
| 11h15 | Kết luận, bế mạc Hội nghị | Thứ trưởng  Phan Chí Hiếu |

**DANH MỤC TÀI LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **TRANG** |
| **I** | **Báo cáo chuyên đề:** Những nội dung mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp | 1 |
| **II** | **Tham luận của Bộ, ngành, địa phương** | 14 |
| 1 | Tham luận của Bộ Công an | 14 |
| 2 | Tham luận của Bộ Tài chính | 19 |
| 3 | Tham luận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | 26 |
| 4 | Tham luận của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh | 33 |
| **III** | **Một số tài liệu kèm theo** | 40 |
| 1 | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp | 40 |
| 2 | Luật Giám định tư pháp hợp nhất theo văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 15/07/2020 của Văn phòng Quốc hội | 57 |
| 3 | Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp (ban hành kèm theo Quyết định số 1450/QĐ-TTg ngày 24/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ) | 91 |
| 4 | Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp | 102 |
| 5 | Dự thảo Thông tư quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp | 109 |

**BỘ TƯ PHÁP**

**NHỮNG NỘI DUNG MỚI CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

**MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

Ngày 20/6/2012, tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật giám định tư pháp, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013 *(sau đây gọi là Luật năm 2012)*. Qua hơn 7 năm thi hành Luật, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành đã ban hành tương đối đầy đủ, đồng bộ các văn bản hướng dẫn, nhờ đó, thể chế về giám định tư pháp ngày càng được hoàn thiện[[1]](#footnote-1); hệ thống tổ chức giám định tư pháp, đội ngũ người làm giám định tư pháp[[2]](#footnote-2) tiếp tục được củng cố và phát triển; hoạt động và quản lý nhà nước về giám định tư pháp từng bước đổi mới, nâng cao hiệu quả; công tác giám định tư pháp có những bước chuyển biến tích cực, ngày càng bài bản, nền nếp, nhất là trong những lĩnh vực có hệ thống tổ chức giám định và giám định viên chuyên trách như pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự; công tác giám định tư pháp ở các lĩnh vực khác như ngân hàng, tài chính, xây dựng, tài nguyên và môi trường v.v... cũng được tăng cường. Về cơ bản, hoạt động giám định tư pháp đã phục vụ ngày càng tốt hơn cho hoạt động tố tụng, góp phần quan trọng vào việc giải quyết các vụ án được chính xác, khách quan và đúng pháp luật.

Tuy nhiên, trước yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động giám định tư pháp, đặc biệt là phục vụ cho công cuộc đấu tranh, phòng, chống tham nhũng trong tình hình mới thì pháp luật về giám định tư pháp đã bộc lộ một số bất cập như sau:

- Luật năm 2012 và pháp luật về tố tụng quy định chưa đầy đủ, cụ thể về căn cứ, cách thức trưng cầu, đánh giá, sử dụng kết luận giám định, dẫn đến tình trạng một số trường hợp lạm dụng giám định, việc đánh giá, sử dụng kết luận giám định nhiều vụ việc còn lúng túng; quy định về thời hạn giám định chưa đầy đủ nên thời gian thực hiện giám định trong các vụ án, nhất là án kinh tế, tham nhũng thường bị kéo dài;

- Quy định trách nhiệm của cơ quan trưng cầu giám định và cá nhân, cơ quan, tổ chức thực hiện giám định chưa rõ ràng, thiếu chế tài bảo đảm thực hiện... dẫn đến một số trường hợp còn đùn đẩy, chậm trễ thực hiện giám định; việc phối hợp giữa cơ quan trưng cầu với cơ quan thực hiện giám định còn nhiều vướng mắc, chất lượng kết luận giám định trong một số trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu;

*-* Cơ chế tài chính hiện hành về chi phí giám định tư pháp, nhất là quy trình, thủ tục thanh toán chưa phù hợp với đặc thù hoạt động giám định, gây ách tắc nhiều vụ việc giám định tư pháp.

Bên cạnh những hạn chế về mặt thể chế, công tác thi hành pháp luật về giám định tư pháp cũng có nhiều bất cập, cụ thể như:

- Nhận thức về trách nhiệm đối với công tác giám định tư pháp của một số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan tiến hành tố tụng cấp Trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đặc biệt là của người đứng đầu chưa đầy đủ;

- Công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao về giám định tư pháp ở một số Bộ, ngành, địa phương chưa thực sự được quan tâm; việc chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý chưa được đề cao, thiếu kiểm tra, giám sát;

- Hoạt động giám định tư pháp theo vụ việc ở những lĩnh vực không có tổ chức giám định và giám định viên chuyên trách chưa được quan tâm đúng mức, chưa được tạo điều kiện đầy đủ để thực hiện giám định.

Những hạn chế trong công tác thi hành pháp luật nêu trên cũng có một phần nguyên nhân do Luật năm 2012 chưa quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan có liên quan đối với công tác giám định tư pháp.

Trước yêu cầu thực tiễn của công tác giám định tư pháp và đặc biệt để đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng, chống tham nhũng trong tình hình mới, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp đã được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/1/2021.

**I. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT**

**1. Mục đích**

Mục đích của việc sửa đổi, bổ sung Luật năm 2012 là nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế về giám định tư pháp, phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, đồng thời thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác giám định tư pháp, bảo đảm đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng nói chung và trong giải quyết án tham nhũng, kinh tế nói riêng.

**2. Quan điểm chỉ đạo**

2.1.Tiếp tục thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về nâng cao chất lượng hoạt động giám định tư pháp, bảo đảm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hoạt động tố tụng.

2.2. Tập trung sửa đổi, bổ sung nhanh chóng, kịp thời những vấn đề mang tính cấp bách, cần thiết nhất để tháo gỡ vướng mắc, bất cập về thể chế, khắc phục ngay những tồn tại, khó khăn trong công tác giám định tư pháp phục vụ giải quyết án tham nhũng, kinh tế, không mở rộng sửa đổi sang các nội dung của Luật đã có tính ổn định, bền vững.

**II. PHẠM VI SỬA ĐỔI VÀ NỘI DUNG MỚI CỦA LUẬT**

**1. Phạm vi sửa đổi**

Luật này sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật năm 2012 về phạm vi giám định tư pháp; nguyên tắc thực hiện giám định; hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp gắn với cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp; quyền và nghĩa vụ của giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc; tổ chức giám định tư pháp công lập; điều kiện thành lập Văn phòng giám định tư pháp; công nhận và đăng tải danh sách người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; quyền và nghĩa vụ của người trưng cầu giám định; quyền và nghĩa vụ của người giám định tư pháp khi thực hiện giám định; quyền và nghĩa vụ của tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định; trưng cầu giám định; thời hạn giám định; văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định; kết luận giám định; hồ sơ giám định; chi phí giám định; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan quản lý (Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) đối với công tác giám định tư pháp; trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với công tác giám định tư pháp.

Luật đã sửa đổi, bổ sung các điều, khoản cụ thể như sau: bổ sung 01 điều mới (Điều 26a về thời hạn giám định); sửa đổi, bổ sung 08 điều (Điều 10; Điều 20; Điều 24; Điều 25; Điều 31; Điều 32; Điều 36; Điều 41); bổ sung 04 khoản; sửa đổi, bổ sung 22 khoản; bổ sung 04 điểm và sửa đổi, bổ sung 09 điểm.

**2. Những nội dung cơ bản được sửa đổi, bổ sung**

***2.1. Phạm vi của giám định tư pháp***

Để bảo đảm tính thống nhất với quy định của pháp luật tố tụng và đáp ứng nhu cầu giám định của hoạt động tố tụng, phạm vi giám định tư pháp đã được sửa đổi theo hướng mở rộng đến cả giám định được trưng cầu, thực hiện ngay từ giai đoạn “khởi tố”, thay vì từ giai đoạn điều tra vụ án hình sự như quy định hiện hành (khoản 1 Điều 2).

***2.2. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp gắn với việc cấp, thu thẻ giám định viên tư pháp***

Để khắc phục tình trạng bất cập, rườm rà về thủ tục hành chính trong quá trình bổ nhiệm giám định viên tư pháp đối với người đang là công chức, viên chức, sĩ quan trong lực lượng vũ trang, Luật sửa đổi, bổ sung đã bổ sung quy định: “Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp." (khoản 3 Điều 8).

Do có bổ sung tổ chức giám định công lập là Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, nên Luật có quy định Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn để đề nghị Bộ trưởng Bộ Công an bổ nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc cơ quan mình và tương tự như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Công an miễn nhiệm giám định viên tư pháp thuộc cơ quan mình cho bảo đảm nguyên tắc thẩm quyền quản lý về lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự của Bộ Công an (khoản 2 Điều 9 và khoản 3 Điều 10).

Để góp phần bảo đảm điều kiện thuận lợi cho giám định viên trong quá trình hoạt động giám định, nhất là tham gia tố tụng với tư cách là người giám định tư pháp, Luật đã bổ sung quy định về cấp thẻ cho người được bổ nhiệm giám định viên tư pháp và thu hồi thẻ khi miễn nhiệm với nguyên tắc: người có thẩm quyền bổ nhiệm giám định viên tư pháp thì thẩm quyền cấp (cấp mới, cấp lại) thẻ giám định viên tư pháp; việc cấp thẻ giám định viên tư pháp được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cụ thể (khoản 4 Điều 9).

Để khắc phục bất cập về vấn đề miễn nhiệm trong quản lý đối với đội ngũ giám định viên tư pháp ở các bộ, ngành và địa phương, Luật đã bổ sung một số trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp trong trường hợp: (1) có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp; (2) chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn điều kiện thực hiện giám định; (3) theo đề nghị của giám định viên tư pháp, nhưng đối với công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì có sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp; (4) giám định viên tư pháp được bổ nhiệm để thành lập Văn phòng giám định tư pháp nhưng không thành lập Văn phòng hoặc thành lập Văn phòng rồi mà không đăng ký hoạt động (điểm đ, điểm e, điểm g và điểm h khoản 1 Điều 10).

***2.3. Bổ sung tổ chức giám định công lập trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự***

Để góp phần bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu giám định về âm thanh, hình ảnh từ các dữ liệu điện tử được thu thập ngày càng tăng mạnh trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các vụ án nói chung và các vụ án tham nhũng, kinh tế nói riêng, Luật đã có quy định về “Phòng giám định hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao” (tại khoản 5 Điều 12). Đây là tổ chức giám định tư pháp công lập mới có tính chất đặc thù, được bổ sung vào hệ thống tổ chức giám định kỹ thuật hình sự. Do đó, Luật cũng đã có quy định Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong việc quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Phòng giám định kỹ thuật hình sự và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn (khoản 7 Điều 12).

***2.4. Công nhận và đăng tải danh sách người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc***

Để khắc phục bất cập của quy định hiện hành và phát huy vai trò, trách nhiệm của Cơ quan thuộc Chính phủ trong việc bảo đảm đáp ứng yêu cầu giám định của thực tiễn hoạt động tố tụng, Luật đã bổ sung Cơ quan thuộc Chính phủ trong việc lựa chọn cá nhân, tổ chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật (Điều 18 và Điều 19) để ra quyết định công nhận, đăng tải, rà soát, cập nhật danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung, tương tự như các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về vấn đề này.

Bên cạnh đó, Luật cũng đã bổ sung quy định: trong trường hợp đặc biệt, theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì Cơ quan thuộc Chính phủ, Kiểm toán nhà nước, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh có trách nhiệm giới thiệu cá nhân, tổ chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện (quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Luật này) thực hiện giám định ngoài danh sách đã được công bố ((khoản 2 Điều 20). Đây là quy định mới nhằm huy động các chuyên gia giỏi ở các cơ quan này tham gia hoạt động giám định tư pháp để góp phần bảo đảm đáp ứng kịp thời, có chất lượng yêu cầu của hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án nói chung, án tham nhũng kinh tế nói riêng.

***2.5. Quyền và nghĩa vụ của giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc; người giám định tư pháp khi thực hiện giám định***

Để bảo đảm điều kiện cho người giám định tư pháp có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ giám định của mình, Luật đã: (1) bổ sung quyền và nghĩa vụ của giám định viên tư pháp khi từ chối tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu thực hiện giám định trong một số trường hợp nếu các yếu tố về chuyên môn, điều kiện, nguyên tắc làm giám định không được bảo đảm (khoản 2 Điều 11). Tương tự như vậy, người giám định tư pháp theo vụ việc cũng được bổ sung thêm các quyền và nghĩa vụ này; (2) bổ sung quyền của người giám định tư pháp khi thực hiện giám định gồm: (i) đề nghị người trưng cầu giám định hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật tương tự như người tố giác tội phạm, người làm chứng… quy định tại Điều 484 của Bộ luật tố tụng hình sự; (ii) từ chối thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 11 nêu trên và (iii) quyền được bố trí vị trí phù hợp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa (điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 23).

Để bảo đảm hơn nữa điều kiện thực hiện nhiệm vụ giám định cho người làm giám định tư pháp kiêm nhiệm, Luật đã quy định: *“Việc thực hiện giám định tư pháp của công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng là hoạt động công vụ. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có trách nhiệm bảo đảm đủ thời gian và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định. Người thực hiện giám định được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật”* (tại khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 37)

***2.6. Nghĩa vụ của người trưng cầu giám định***

Để nâng cao hơn nữa trách nhiệm của người trưng cầu giám định tư pháp trong việc trưng cầu giám định và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định của tổ chức, cá nhân được trưng cầu, thực hiện giám định, Luật đã bổ sung, sửa đổi một số nghĩa vụ của người trưng cầu giám định như: xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định trong vụ án, vụ việc đang giải quyết; cung cấp kịp thời, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan đến đối tượng, nội dung cần giám định theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp; thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ người giám định hoặc người thân thích của người giám định (điểm a, điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 21).

***2.7. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức được trưng cầu, thực hiện giám định tư pháp***

Để bảo đảm điều kiện cho tổ chức được trưng cầu hoàn thành tốt nhiệm vụ thực hiện giám định của mình, Luật đã sửa đổi, bổ sung một số quyền và nghĩa vụ của tổ chức này như quyền được yêu cầu người trưng cầu, yêu cầu giám định cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, mẫu vật cần cho việc thực hiện giám định; từ chối tiếp nhận trưng cầu, thực hiện giám định trong một số trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24; đồng thời Luật cũng sửa đổi, bổ sung một số nghĩa vụ của tổ chức được trưng cầu, thực hiện giám định tư pháp nhằm tăng cường trách nhiệm và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám định của tổ chức này, cụ thể như: phải phân công người có trình độ chuyên môn, khả năng nghiệp vụ phù hợp với nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định; chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức thực hiện giám định; bảo đảm thời gian, trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định…; phải chịu trách nhiệm về kết luận giám định do mình đưa ra (điểm a, điểm b, điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 24).

***2.8. Trưng cầu giám định tư pháp***

Nhằm góp phần khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong trưng cầu và thực hiện giám định trong các vụ án, nhất là án tham nhũng, kinh tế, Điều 25 của Luật đã được sửa đổi, bổ sung, đặc biệt trong đó đã bổ sung quy định mang tính nguyên tắc về cơ chế thông tin, phối hợp giữa cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng với cá nhân, tổ chức dự kiến được trưng cầu giám định và cơ quan có liên quan về nội dung trưng cầu, thời hạn giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật cần cho việc giám định và các vấn đề khác có liên quan (nếu có) trước khi ban hành Quyết định trưng cầu (khoản 4). Đồng thời, Luật cũng bổ sung quy định về trưng cầu giám định trong trường hợp nội dung giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn có quan hệ mật thiết với nhau, thuộc trách nhiệm của nhiều tổ chức mà việc tách riêng từng nội dung gây khó khăn cho việc thực hiện giám định, ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả giám định hoặc kéo dài thời gian giám định thì người trưng cầu giám định phải xác định được nội dung chính cần giám định để xác định tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp; quy định cụ thể trách nhiệm, nguyên tắc phối hợp của tổ chức chủ trì, tham gia triẻn khai nhiệm vụ giám định, giải quyết các vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình trưng cầu, phối hợp triển khai thực hiện giám định (khoản 5). Quy định này được luật hóa trên cơ sở quy định có liên quan của Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSTC-TANDTC-BCA-BTP của liên ngành Kiểm sát - Tòa án- Công an - Tư pháp quy định những trường hợp cần thiết phải trưng cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế và có sự phát triển, hoàn thiện hơn.

***2.9. Thời hạn giám định***

Thể chế hóa chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng về khắc phục tình trạng vô thời hạn trong hoạt động giám định của một số vụ án, nhất là án tham nhũng, kinh tế, quy định về thời hạn giám định đã được bổ sung vào trong Luật tại Điều 26a. Theo đó, thời hạn giám định tư pháp được tính từ ngày tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định nhận được quyết định trưng cầu giám định và kèm theo đầy đủ hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật cần thiết cho việc giám định. Trường hợp cần phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu làm cơ sở cho việc giám định thì thời gian bổ sung hồ sơ, tài liệu không được tính vào thời hạn giám định. Thời hạn giám định theo quy định của Luật chỉ áp dụng đối với trường hợp không thuộc trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và có thời hạn tối là 03 tháng, nếu có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn thì thời hạn giám định tối đa là 04 tháng, nếu có gia hạn thì không quá một phần hai thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.

Căn cứ vào thời hạn giám định tối đa theo quy định nêu trên và tính chất chuyên môn đặc thù của lĩnh vực giám định, tới đây, các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp quy định thời hạn giám định cho từng loại việc cụ thể.

***2.10. Kết luận giám định***

Để khắc phục một số hạn chế về kết luận giám định tư pháp trong thực tiễn hiện nay, quy định về kết luận tại Điều 32 đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu và nguyên tắc mang tính đặc thù của văn bản kết luận giám định như kết luận giám định phải rõ ràng, cụ thể về nội dung chuyên môn của đối tượng cần giám định theo trưng cầu, yêu cầu giám định; bỏ quy định về chứng thực chữ ký của người giám định theo quy định của pháp luật về chứng thực khi trưng cầu, yêu cầu giám định đích danh cá nhân người giám định; đồng thời, phân định rõ hơn nữa trách nhiệm của người giám định, tổ chức cử người làm giám định trong việc ký, xác nhận chữ ký đối với người giám định trong bản kết luận giám định.

***2.11. Hồ sơ giám định***

Để khắc phục một số vướng mắc, khó khăn về hồ sơ giám định, lưu trữ, bảo quản hồ sơ giám định, Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định khoản 2, khoản 3 Điều 33, trong đó quy định rõ hơn trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong việc quy định chi tiết về mẫu, thành phần hồ sơ từng loại việc giám định và chế độ lưu trữ hồ sơ giám định ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý; tổ chức được trưng cầu, thực hiện giám định tư pháp chịu trách nhiệm bảo quản, lưu trữ hồ sơ giám định do người giám định thuộc tổ chức mình thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của bộ, ngành, cơ quan mình. Người thực hiện giám định có trách nhiệm bàn giao hồ sơ giám định cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của bộ, ngành, cơ quan mình.

***2.12. Nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với công tác giám định tư pháp***

Nhằm phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan này đã được bổ sung như: ban hành quy trình giám định (trong đó căn cứ yêu cầu và tính chất đặc thù của lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý quy định cụ thể về thời hạn đối với từng loại việc giám định); phân công đơn vị làm đầu mối thuộc bộ, cơ quan ngang bộ giúp bộ, cơ quan ngang bộ trong việc quản lý chung công tác giám định tư pháp; cấp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo thẩm quyền, đăng tải, cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin của bộ, ngành mình, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp; chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm số lượng, chất lượng người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp; bảo đảm kinh phí, trang thiết bị, phương tiện giám định và điều kiện vật chất cần thiết khác cho cá nhân, tổ chức giám định thuộc bộ, ngành mình quản lý; kịp thời tôn vinh, khen thưởng cá nhân, tổ chức giám định tư pháp có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp ở bộ, ngành mình… (khoản 1 Điều 41).

Ngoài vai trò là cơ quan quản lý giám định tư pháp, Bộ Công an còn có nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tiến hành tố tụng đối với công tác giám định tư pháp như sau: ban hành chỉ tiêu thống kê, thực hiện thống kê hằng năm về trưng cầu, yêu cầu giám định, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý; hằng năm, tổng kết và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp, đồng thời gửi bộ, ngành có liên quan về tình hình trưng cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý; chỉ đạo Công an cấp tỉnh gửi báo cáo về Sở Tư pháp, đồng thời gửi sở, ngành có liên quan về tình hình trưng cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định, nhu cầu giám định ở địa phương; lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí bảo đảm chi trả chi phí giám định tư pháp; trường hợp kinh phí được cấp không đủ thì lập dự toán để cấp bổ sung bảo đảm chi trả kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước (khoản 2 Điều 42). Tương tự như vậy, nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ Quốc phòng với tư cách là cơ quan tiến hành tố tụng cũng được sửa đổi, bổ sung tương tự như Bộ Công an (khoản 3 Điều 42).

Với tính chất đặc thù của mình, cơ quan thuộc Chính phủ đã được bổ sung quy định về có nhiệm vụ, quyền hạn của mình như sau: xây dựng quy trình giám định đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp ban hành theo thẩm quyền; công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp; bảo đảm nhân lực, kinh phí, điều kiện vật chất cần thiết cho hoạt động giám định ở cơ quan mình; đánh giá chất lượng hoạt động của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý; kịp thời tôn vinh, khen thưởng cá nhân, tổ chức giám định tư pháp có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp, kiến thức pháp luật cho đội ngũ người giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý; hằng năm, tổng kết, gửi Bộ Tư pháp báo cáo về hoạt động giám định tư pháp của cơ quan mình (khoản 2 Điều 41).

Với tính chất là cơ quan quản lý công tác giám định tư pháp ở địa phương, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cũng được sửa đổi, bổ sung như sau: cấp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo thẩm quyền; đăng tải, cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp; bảo đảm kinh phí, trang thiết bị, phương tiện giám định và điều kiện vật chất cần thiết khác cho cá nhân, tổ chức giám định thuộc thẩm quyền quản lý; tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho đội ngũ người giám định tư pháp ở địa phương; kịp thời tôn vinh, khen thưởng cá nhân, tổ chức giám định tư pháp có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp ở địa phương và báo cáo kết quả cho Bộ Tư pháp (khoản 1 Điều 43).

***2.13. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với công tác giám định tư pháp***

Để bảo đảm phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng đối với công tác giám định tư pháp cũng như góp phần khắc khục những khó khăn, vướng mắc có liên quan, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã được bổ sung, sửa đổi một số trách nhiệm như: (1) ban hành chỉ tiêu thống kê và tổ chức thực hiện thống kê về trưng cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và báo cáo Quốc hội trong báo cáo công tác hằng năm, đồng thời gửi báo cáo về Bộ Tư pháp, bộ, ngành có liên quan; chỉ đạo Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về Sở Tư pháp, đồng thời gửi sở, ngành có liên quan về tình hình trưng cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định, nhu cầu giám định ở địa phương; (2) Lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí bảo đảm chi trả chi phí giám định tư pháp, chi phí tham dự phiên tòa của người giám định trong hệ thống cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân để chi trả kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp và chi phí tham dự phiên tòa của người giám định.

Để bảo đảm thực thi trên thực tế “quyền có vị trí phù hợp tại phiên tòa” của người giám định tư pháp, nhất là trong bối cảnh công tác giám định tư pháp còn chưa được quan tâm đúng mức, Luật đã bổ sung quy định trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao trong việc hướng dẫn về bố trí vị trí phù hợp của người giám định tư pháp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa (khoản 5 Điều 44). Quy định này cũng nhằm bảo đảm điều kiện về chỗ ngồi (tương tự như người bào chữa, người bảo vệ, quyền lợi cho đương sự, người phiên dịch) cho người giám định để thực hiện tốt nghĩa vụ tham dự phiên tòa với tư cách là nhân chứng chuyên môn trong hoạt động tố tụng, khắc phục hạn chế, khó khăn hiện nay về vấn đề này.

Riêng đối với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, với quy định mới về việc thành lập Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao nên Luật quy định Viện kiểm sát nhân dân tối cao: chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thành lập, củng cố, kiện toàn tổ chức của Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; đăng tải và cập nhật danh sách giám định viên tư pháp trên cổng thông tin điện tử Viện kiểm sát nhân dân tối cao, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp; kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp của Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc thẩm quyền quản lý; hằng năm, đánh giá chất lượng hoạt động giám định thuộc thẩm quyền quản lý; kịp thời tôn vinh, khen thưởng giám định viên tư pháp có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp; trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổng kết về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ (khoản 6 Điều 44).

**III. TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT**

Với tính chất đặc thù và thực tiễn công tác giám định tư pháp cho thấy, việc triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp đặt ra cho Chính phủ, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhiều nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ và vào cuộc của tất cả các bộ, ngành, địa phương. Để bảo đảm triển khai có hiệu quả Luật này, ngày 24/9/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1450/QĐ-TTg về Kế hoạch triển khai thi hành Luật giám định tư pháp. Theo đó, Kế hoạch gồm có 9 nhóm nhiệm vụ: (1) Tổ chức quán triệt việc thi hành và phổ biến nội dung của Luật; (2) Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến giám định tư pháp; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật; (3) Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật; (4) Thành lập Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; (5) Củng cố, phát triển đội ngũ cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo hướng gắn với nhu cầu giám định thực tế của hoạt động tố tụng (rà soát, đổi mới quy trình bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp và công nhận, đăng tải danh sách người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; rà soát, cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp); (6) Phân công đơn vị làm đầu mối trong việc quản lý chung công tác giám định tư pháp ở từng lĩnh vực giám định; đơn vị làm đầu mối tham mưu, thống kê về giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng; (7) Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp và kiến thức pháp lý cho người làm giám định tư pháp; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về giám định tư pháp cho người tiến hành tố tụng; (8) Kiểm tra, thanh tra tình hình tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp và thực hiện trách nhiệm về giám định tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng; (9) Đánh giá công tác giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý, tôn vinh, khen thưởng tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động giám định tư pháp với tổng số 26 đầu việc cụ thể được Thủ tướng giao cho các bộ, cơ quan bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện theo thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan này. Trong số đó thì nhóm nhiệm vụ lớn nhất thuộc về xây dựng và ban hành văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật với 12 đầu văn bản/26 đầu việc - chiếm 46% tổng các đầu việc cần được triển khai thực hiện Luật và thuộc trách nhiệm của các bộ, ngành ở Trung ương; nhóm nhiệm vụ lớn thứ hai là về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giám định, kiến thức pháp lý cho đội ngũ người làm giám định và bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về giám tư pháp cho đội ngũ người tiến hành tố tụng với 05/26 đầu việc - chiếm 19%...

Với tư cách là Cơ quan giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về công tác giám định tư pháp trong toàn quốc, trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tích cực, chủ động xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1450/QĐ-TTg về kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp; đồng thời, đã chủ trì xây dựng và trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp (Tờ trình số 59/TTr-BTP ngày 31/10/2020) và xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp thẻ giám định viên tư pháp (đã thẩm định, đang hoàn thiện để chuẩn bị ban hành); phối hợp với một số bộ, ngành xây dựng văn bản hướng dẫn về giám định tư pháp...

Đến nay, một số Bộ, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực triển khai thi hành Luật ở bộ, ngành, địa phương mình như Ngân hàng nhà nước Việt Nam đã xây dựng, ban hành Thông tư số 14/2020/TT-NHNN ngày 16/11/2020 quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ ngân hàng, tổ chức Hội nghị triển khai thi hành Luật và văn bản hướng dẫn; một số bộ, ngành và địa phương đã ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật[[3]](#footnote-3); tổ chức Hội nghị phổ biến, quán triệt, bồi dưỡng kiến thức pháp lý cho đội ngũ người làm giám định tư pháp ở địa phương theo nội dung mới của Luật như Lạng Sơn, Nam Định, Bắc Kạn, Hải Dương, Hưng Yên, Đồng Tháp, Hòa Bình, Quảng Ninh, Bắc Giang...

Để đẩy mạnh việc triển khai Luật trên thực tế, Bộ Tư pháp đề nghị các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quan tâm, tiếp tục tổ chức triển khai nghiêm túc những nhiệm vụ đã được Luật quy định, những nội dung công việc đã được Thủ tướng Chính phủ giao/đề nghị, nhất là các nhiệm vụ cần ưu tiên thực hiện và trọng tâm như phổ biến, quán triệt về nội dung của Luật tạo nhận thức đầy đủ, thống nhất, thông suốt; đặc biệt là sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của bộ, ngành mình, sớm ban hành quy trình giám định ở các lĩnh vực; ban hành chỉ tiêu thống kê về giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự, dân sự, hành chính; hướng dẫn về cấp phát, bảo đảm nguồn kinh phí chi trả đầy đủ, kịp thời chi phí giám định, chi phí tham dự phiên tòa cho người giám định của các cơ quan tiến hành tố tụng; hướng dẫn về căn cứ, cách thức, trình tự, thủ tục trưng cầu giám định trong tố tụng hình sự; hướng dẫn về vị trí phù hợp cho người giám định tham dự phiên tòa...; nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản về chi phí giám định cho phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực giám định;đổi mới quy trình bổ nhiệm giám định viên tư pháp, công nhận và đăng tải danh sách người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; rà soát, củng cố danh sách tổ chức, người giám định tư pháp tại các bộ, ngành và địa phương theo hướng căn cứ vào kết quả đánh giá, số liệu thống kê về trưng cầu, thực hiện giám định, dự báo nhu cầu giám định của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp Trung ương và cấp tỉnh...; cấp thẻ giám định viên tư pháp; các cơ quan tiến hành tố tụng cấp Trung ương (Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao) ban hành hướng dẫn về trưng cầu giám định, chỉ tiêu thống kê và tổ chức thống kê, đánh giá về hoạt động, dự báo nhu cầu giám định tư pháp trong hệ thống các cơ quan điều tra, truy tố và xét xử để để báo cáo Quốc hội và cung cấp thông tin, số liệu về tình hình trưng cầu, thực hiện giám định cho các cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở Trung ương và địa phương; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ giám định và kiến thức pháp lý cho đội ngũ người làm giám định tư pháp ở các lĩnh vực, địa phương; bồi dưỡng, tập huấn về giám định tư pháp cho đội ngũ người tiến hành tố tụng; tăng cường kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao tại các bộ, ngành và địa phương... bảo đảm nâng cao hơn nữa chất lượng quản lý công tác giám định tư pháp./.

**Tham luận**

**PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ**

**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BỘ CÔNG AN, NHẤT LÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN ĐIỀU TRA TRONG LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT**

**GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

***Bộ Công an***

**1.** Thực hiện Luật Giám định tư pháp năm 2012 và Kế hoạch triển khai thi hành Luật Giám định tư pháp ban hành kèm theo Quyết định số 1549/QĐ-TTg ngày 16/10/2012 của Chính phủ, Bộ Công an đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai, thực hiện 05 nhiệm vụ trọng tâm là: (1) Tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt, tập huấn chuyên sâu Luật Giám định tư pháp và các văn bản pháp luật có liên quan; (2) Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết thực hiện Luật Giám định tư pháp; (3) Củng cố, phát triển tổ chức, đội ngũ cán bộ làm công tác giám định tư pháp; (4) Tăng cường phương tiện phục vụ công tác giám định tư pháp; (5) Đào tạo kiến thức về giám định cho Điều tra viên, Trinh sát viên. Kết quả:

(1) Đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của Luật Giám định tư pháp tới từng cán bộ, chiến sỹ, nhất là đối với đội ngũ Giám định viên, Điều tra viên, Trinh sát viên, kỹ thuật viên để áp dụng vào thực tiễn công tác; có nhiều bài viết đánh giá mặt tích cực cũng như phân tích những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Luật trên các tạp chí trong và ngoài Ngành để cùng nghiên cứu, trao đổi…

(2) Ban hành 06 thông tư thực hiện Luật Giám định tư pháp trong Bộ Công an về các nội dung như: Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự; quy định về biểu mẫu sử dụng trong công tác công tác giám định kỹ thuật hình sự; quy định về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định tối thiểu cho tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự; quy định chi tiết chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự… Phối hợp với Bộ Tư pháp tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp, Quyết định số 01/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp.

(3) Chú trọng kiện toàn, củng cố tổ chức, đội ngũ cán bộ làm công tác giám định tư pháp ở các cấp. Tuy không có sự thay đổi so với trước khi có Luật Giám định tư pháp, với 64 tổ chức giám định tư pháp công lập, nhưng các tổ chức giám định tư pháp có sự phát triển, phù hợp với tình hình thực tiễn, năng lực chuyên môn của các tổ chức giám định từng bước được nâng lên.

(4) Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác giám định thông qua việc thực hiện Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp” (Đề án 258) và 03 dự án, đó là Dự án “Hiện đại hóa công tác kỹ thuật hình sự giai đoạn 2015 - 2020”, Dự án “Đầu tư chiều sâu phòng thí nghiệm giám định hóa” và Dự án “Xây dựng tàng thư gen tội phạm quốc gia”. Nhờ việc thực hiện có hiệu quả các dự án này, lực lượng kỹ thuật hình sự từ Trung ương đến địa phương đã được trang bị, tiếp cận với nhiều hệ thống thiết bị tiên tiến, hiện đại được sản xuất từ các nước có trình độ kỹ thuật cao như Mỹ, Nhật, Úc, CHLB Đức, Ý, Hàn Quốc…. thay thế những thiết bị cũ được viện trợ từ các nước XHCN trước đây.

(5) Theo thống kê đến năm 2018, lực lượng KTHS đã tiến hành giám định 368.293 vụ; trung bình mỗi năm giám định hơn 80.000 vụ, tăng gần 13.000 vụ so với trước khi triển khai Luật, chủ yếu là các vụ giám định số khung, số máy phương tiện, ma túy, tài liệu. Các chuyên ngành giám định có số lượng vụ việc lớn là: giám định kỹ thuật (33%), hóa học (28%), tài liệu (15%). Số vụ việc giám định tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh (chiếm 17%). Tỷ lệ vụ việc giám định của 18 tỉnh, thành phố trọng điểm chiếm 48% toàn lực lượng KTHS.

**2.** Sau hơn 7 năm thi hành Luật Giám định tư pháp, công tác giám định tư pháp đã đạt được nhiều kết quả. Tuy nhiên, Luật này đã bộc lộ nhiều bất cập trước những yêu cầu mới của đời sống xã hội, của hoạt động tố tụng. Trước yêu cầu thực tiễn của công tác giám định tư pháp và đặc biệt để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong tình hình mới, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp đã được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 10/6/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, đã góp phần tháo gỡ được cơ bản những khó khăn, vướng mắc như:

- Sửa đổi, bổ sung một số nghĩa vụ của người trưng cầu giám định như: xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định trong vụ án, vụ việc đang giải quyết; cung cấp kịp thời, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan đến đối tượng, nội dung cần giám định theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp; thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ người giám định hoặc người thân thích của người giám định (*điểm a, điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 21*). Quy định mới này nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm của người trưng cầu giám định tư pháp trong việc trưng cầu giám định và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định của tổ chức, cá nhân được trưng cầu, thực hiện giám định.

- Sửa đổi, bổ sung một số quyền và nghĩa vụ của tổ chức giám định như quyền được yêu cầu người trưng cầu, yêu cầu giám định cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, mẫu vật cần cho việc thực hiện giám định; từ chối tiếp nhận trưng cầu, thực hiện giám định trong một số trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24; đồng thời Luật cũng sửa đổi, bổ sung một số nghĩa vụ của tổ chức được trưng cầu, thực hiện giám định tư pháp nhằm tăng cường trách nhiệm và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám định của tổ chức này (*điểm a, điểm b, điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 24*).

- Khoản 4 Điều 25 của Luật đã sửa đổi, bổ sung quy định mang tính nguyên tắc về cơ chế thông tin, phối hợp giữa cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng với cá nhân, tổ chức dự kiến được trưng cầu giám định và cơ quan có liên quan về nội dung trưng cầu, thời hạn giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật cần cho việc giám định và các vấn đề khác có liên quan (nếu có) trước khi ban hành Quyết định trưng cầu.

Đồng thời, bổ sung quy định về trưng cầu giám định trong trường hợp nội dung giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn có quan hệ mật thiết với nhau, thuộc trách nhiệm của nhiều tổ chức mà việc tách riêng từng nội dung gây khó khăn cho việc thực hiện giám định, ảnh hưởng đến tính chính xác, khách quan của kết quả giám định hoặc kéo dài thời gian giám định thì người trưng cầu giám định phải xác định được nội dung chính cần giám định để xác định cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp; quy định cụ thể trách nhiệm, nguyên tắc phối hợp để triển khai nhiệm vụ giám định, giải quyết các vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình trưng cầu, phối hợp triển khai thực hiện giám định.

- Điều 26a quy định về thời hạn giám định, đã khắc phục tình trạng vô thời hạn trong hoạt động giám định của một số vụ án, nhất là án tham nhũng, kinh tế. Theo đó, thời hạn giám định tư pháp được tính từ ngày tổ chức, cá nhân được trưng cầu giám định nhận được quyết định trưng cầu giám định và kèm theo đầy đủ hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật cần thiết cho việc giám định. Trường hợp cần phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu làm cơ sở cho việc giám định thì thời gian bổ sung hồ sơ, tài liệu không được tính vào thời hạn giám định. Thời hạn giám định đối với trường hợp không thuộc trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định có thời hạn tối là 03 tháng, nếu có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn thì thời hạn giám định tối đa là 04 tháng… Các quy định mới nêu trên đã cơ bản khắc phục những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong trưng cầu và thực hiện giám định trong các vụ án, nhất là án tham nhũng, kinh tế.

- Để khắc phục một số hạn chế về kết luận giám định tư pháp trong thực tiễn hiện nay, quy định về kết luận tại Điều 32 đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu và nguyên tắc mang tính đặc thù của văn bản kết luận giám định như kết luận giám định phải rõ ràng, cụ thể về nội dung chuyên môn của đối tượng cần giám định theo trưng cầu, yêu cầu giám định; bỏ quy định về chứng thực chữ ký của người giám định theo quy định của pháp luật về chứng thực khi trưng cầu, yêu cầu giám định đích danh cá nhân người giám định; đồng thời, phân định rõ hơn nữa trách nhiệm của người giám định, tổ chức cử người làm giám định trong việc ký, xác nhận chữ ký đối với người giám định trong bản kết luận giám định.

**3.** Để Luật Giám định tư pháp năm 2012 (*sửa đổi, bổ sung năm 2020*) đi vào cuộc sống, bảo đảm hiệu lực thi hành, phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử vụ án, thời gian tới Công an các đơn vị, địa phương cần làm tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

***Một là****,* căn cứ kế hoạch triển khai thi hành Luật Giám định tư pháp sửa đổi, bổ sung trong Công an nhân dân (ban hành kèm theo Quyết định số 9013/QĐ-BCA-V03 ngày 22/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an), Công an các đơn vị, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch để triển khai, phổ biến, quán triệt những nội dung cơ bản của Luật Giám định tư pháp sửa đổi, bổ sung tới từng cán bộ, chiến sỹ, nhất là đối với đội ngũ Giám định viên, Điều tra viên, Cán bộ điều tra, Trinh sát viên, kỹ thuật viên phục vụ yêu cầu công tác. Chú trọng kiện toàn, củng cố tổ chức, đội ngũ cán bộ làm công tác giám định tư pháp ở các cấp; tăng cường phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác giám định tư pháp nhằm đảm bảo thực hiện tốt các yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, phục vụ có hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

***Hai là,*** tổ chức thực hiện có chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự; xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật được giao, đảm bảo chất lượng, tiến độ như:

- Rà soát sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Thông tư quy định về quy trình giám định, trong đó quy định cụ thể thời hạn giám định đối với từng loại việc giám định (*đến năm 2018, Bộ Công an đã ban hành 40 quy trình thực hiện công tác giám định kỹ thuật hình sự và pháp y; đang tiếp tục nghiên cứu xây dựng 27 quy trình, hướng tới ban hành đủ các quy trình đối với toàn bộ các chuyên ngành giám định thuộc lĩnh vực kỹ thuật hình sự*).

- Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 03/2013/TT-BCA ngày 10/01/2013 về sử dụng kinh phí điều tra trong lực lượng Công an nhân dân theo hướng tách riêng mục dự toán kinh phí bảo đảm kinh phí chi trả chi phí giám định và kinh phí bồi dưỡng giám định.

- Xây dựng Thông tư hướng dẫn về căn cứ, cách thức, trình tự, thủ tục trưng cầu giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự.

***Ba là,*** phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành chỉ tiêu thống kê, thực hiện thống kê hàng năm về trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự gắn với việc thực hiện thống kê hình sự.

**Tham luận**

**HƯỚNG DẪN VỀ DỰ TOÁN, CẤP PHÁT KINH PHÍ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG, QUẢN LÝ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP; KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI LUẬT SỬA ĐỔI,**

**BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP; ĐỀ XUẤT**

**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

***Bộ Tài chính***

Giám định tư pháp là hoạt động bổ trợ tư pháp, có ý nghĩa quan trọng trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế, góp phần giải quyết các vụ án được chính xác, khách quan và đúng pháp luật. Công tác giám định tư pháp được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, lãnh đạo chỉ đạo triển khai thực hiện trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cơ chế thu, quản lý sử dụng tiền giám định tư pháp góp phần quan trọng, tạo sự chủ động cho các tổ chức giám định tư pháp hoàn thành công việc được giao.

**1. Về việc ban hành cơ chế, chính sách triển khai công tác giám định tư pháp thuộc nhiệm vụ được giao của Bộ Tài chính**

1.1. Trên cơ sở Luật Giám định tư pháp năm 2012 và Pháp lệnh Chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng, Bộ Tài chính đã triển khai các quy định của pháp luật về chi phí giám định tư pháp thuộc nhiệm vụ được giao của Bộ Tài chính như sau:

(i) Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 81/2014/NĐ-CP ngày 14/8/2014 quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng và ban hành Thông tư số 215/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động trưng cầu giám định, định giá, triệu tập người làm chứng, người phiên dịch của cơ quan tiến hành tố tụng;

(ii) Để hỗ trợ thực hiện chế độ bồi dưỡng cho giám định viên tư pháp, Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Tư pháp xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp (thay thế Quyết định số 74/2009/QĐ-TTg ngày 07/5/2009), ban hành Thông tư số 137/2014/TT-BTC ngày 18/9/2014 hướng dẫn lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí chi trả tiền bồi dưỡng giám định tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng theo quy định tại Quyết định số 01/2014/QĐ-TTg ngày 01/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp.

Ngoài ra, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành ban hành 04 Thông tư quy định về mức thu phí giám định tư pháp trong một số lĩnh vực, gồm:

- Thông tư số 97/2014/TT-BTC ngày 24/7/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực thông tin truyền thông;

- Thông tư số 50/2014/TT-BTC ngày 24/4/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự*;*

- Thông tư số 35/2014/TT-BTC ngày 21/3/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y tâm thần;

- Thông tư số 34/2014/TT-BTC ngày 21/3/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí giám định tư pháp trong lĩnh vực pháp y;

Kể từ ngày Luật Phí và lệ phí có hiệu lực thi hành (01/01/2017), các Thông tư về phí giám định tư pháp nêu trên hết hiệu lực thi hành do chuyển sang thực hiện thu chi phí giám định tư pháp.

1.2. Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao tại Luật Giám định tư pháp và các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 138/2013/TT-BTC ngày 09/10/2013 hướng dẫn một số nội dung của Luật Giám định tư pháp và Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp để triển khai thực hiện, áp dụng các quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp, qua đó đã tạo cơ sở pháp lý thực hiện công tác giám định tư pháp trong lĩnh vực tài chính.

**2. Về triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp**

Trên cơ sở rà soát các quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp và các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1450/QĐ-TTg ngày 24/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, ngày 09/11/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 1763/QĐ-BTC ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám đinh tư pháp của Bộ Tài chính, trong đó xác định các nhiệm vụ sau:

* Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; biên soạn tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức rà soát, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến giám định tư pháp; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật; sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật; củng cố, phát triển đội ngũ cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo hướng gắn với nhu cầu giám định thực tế của hoạt động tố tụng; đơn vị làm đầu mối trong việc quản lý chung công tác giám định tư pháp, đơn vị làm đầu mối, tham mưu, thống kê về giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng; về đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp và kiến thức pháp lý cho người làm giám định tư pháp; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về giám định tư pháp cho người tiến hành tố tụng; đánh giá công tác giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý, tôn vinh, khen thưởng, tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động giám định tư pháp;
* Liên quan đến hoàn thiện cơ chế, chính sách về chi phí giám định được giao tại Quyết định số 1450/QĐ-TTg: Bộ Tài chính đang được giao tổng kết, đánh giá thi hành tình hình thực hiện các quy định về chi phí giám định tư pháp; ban hành theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản QPPL nhằm hoàn thiện pháp luật về chi phí giám định tư pháp.

**3. Thực trạng về chi phí giám định tư pháp và một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về chi phí giám định tư pháp**

*3.1. Về tình hình bố trí kinh phí cho công tác giám định tư pháp*

Trong thời gian qua, việc bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước luôn được Bộ Tài chính quan tâm phối hợp với các cơ quan tố tụng (Bộ Công an, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao) để bố trí đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Trong quá trình thực hiện, khi có vướng mắc phát sinh đã được quan tâm tháo gỡ, bổ sung kinh phí kịp thời để các cơ quan thực hiện nhiệm vụ, do đó không có tình trạng cơ quan tố tụng có văn bản đề nghị bổ sung kinh phí nhưng chưa được đáp ứng.

Hàng năm, Bộ Tài chính đều hướng dẫn lập dự toán và cấp phát kinh phí đủ theo đề nghị, không thực hiện cắt giảm đối với nguồn kinh phí này và tăng dần hàng năm, cụ thể:

- Kinh phí phục vụ cho công tác chi bồi dưỡng giám định tư pháp của Bộ Công an được bố trí từ năm 2013 đến năm 2019 tổng số tiền là: 2.380 tỷ đồng[[4]](#footnote-4);

- Đối với Bộ Quốc phòng, ngoài việc bố trí dự toán chi thường xuyên cao hơn mức tăng bình quân của các Bộ, ngành khác (đã bao gồm các cơ quan tư pháp quân đội), Bộ Tài chính còn trình cấp có thẩm quyền bố trí nội dung chi quản lý hành chính để hỗ trợ thêm cho 04 cơ quan tư pháp quân đội (gồm cơ quan Điều tra hình sự, Tòa án quân sự, Viện kiểm sát quân sự, thi hành án), từ năm 2013 đến năm 2019 là 1.123,37 tỷ đồng[[5]](#footnote-5);

- Đối với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp do đơn vị không lập dự toán riêng khoản kinh phí này mà tổng hợp chung trong kinh phí chi quản lý hành chính của ngành nên không bố trí riêng khoản kinh phí này mà bố trí chung trong dự toán chi NSNN, cụ thể:

+ Kinh phí chi quản lý hành chính cấp cho Tòa án nhân dân tối cao (Tòa án nhân dân tối cao chi từ kinh phí xét xử) từ năm 2013 đến 2019 là 20.188,79 tỷ đồng[[6]](#footnote-6);

+ Kinh phí chi quản lý hành chính cấp cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao từ năm 2013 đến 2019 là 19.571,8 tỷ đồng[[7]](#footnote-7);

+ Đối với Bộ Tư pháp, ngân sách nhà nước bố trí kinh phí quản lý hành chính, trong đó có một phần nhỏ kinh phí cấp cho công tác quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

Việc chủ động, tích cực phối hợp với các Bộ, ngành trong việc bố trí, đảm bảo kinh phí kịp thời đầy đủ cho công tác giám định tư pháp đã góp phần tăng cường cơ sở vật chất, đảm bảo cho hoạt động cũng như nâng cao chất lượng công tác giám định tư pháp.

*3.2. Về mức thu chi phí giám định tư pháp*

Thực hiện quy định của Luật Giám định tư pháp và Luật phí, lệ phí, cơ chế “phí giám định tư pháp” đã chuyển sang thực hiện theo cơ chế “chi phí giám định tư pháp”(Luật phí, lệ phí đã quy định12 khoản phí được chuyển sang cơ chế giá thị trường mà nhà nước không định giá trong đó có phí giám định tư pháp). Pháp lệnh về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch có quy định:*“chi phí giám định là số tiền cần thiết, hợp lý phải chi trả cho công việc giám định do tổ chức, cá nhân thực hiện giám định tính căn cứ vào quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.* Bộ Tài chính đã có Công văn số 13373/BTC-QLG ngày 23/09/2016 đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc chuyển đổi các khoản phí sang thực hiện theo cơ chế giá dịch vụ, trong đó có 12 khoản thu đã đưa ra khỏi danh mục phí, lệ phí (trong đó có phí giám định tư pháp) để thực hiện theo quy định Luật chuyên ngành; tiếp đó, Bộ Tài chính cũng đã hướng dẫn về cách xác định chi phí giám định tư pháp tại công văn số 17989/BTC-PC ngày 19/12/2016 của Bộ Tài chính, trong đó đã hướng dẫn các Bộ, ngành xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật để làm cơ sở tính chi phí giám định tư pháp trong từng lĩnh vực quản lý của Bộ, ngành.

Hiện nay, mức thu chi phí giám định tư pháp được áp dụng theo quy định tại Pháp lệnh chi phí giám định tư pháp; Nghị định số 81/2014/NĐ-CP của Chính phủ, theo đó, căn cứ tính chất của đối tượng và nội dung giám định cụ thể, chi phí giám định bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây: (1) Chi phí tiền lương và các khoản thù lao cho người thực hiện giám định; (2) Chi phí vật tư tiêu hao; Chi phí sử dụng dịch vụ; (3) Chi phí khấu hao máy, phương tiện, thiết bị; (4) Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, về cơ bản các đơn vị đã triển khai thực hiện. Tuy nhiên, một số bộ, ngành chưa ban hành quy trình giám định, định mức kinh tế - kỹ thuật để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân giám định tư pháp công lập tính toán mức thu chi phí cụ thể. Dẫn đến một số tổ chức giám định tư pháp công lập còn lúng túng trong việc tính toán mức thu chi phí cụ thể.

*3.3. Về trình tự, thủ tục thanh toán chi phí giám định*

Hiện nay, Thông tư số 215/2015/TT-BTC đã hướng dẫn về hồ sơ thanh toán, quyết toán chi phí giám định tư pháp cho tổ chức, cá nhân giám định tư pháp trong đó có yêu cầu về hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hóa đơn và phiếu thu tiền của cơ quan giám định.

Tuy nhiên, quy định pháp luật hướng dẫn về hóa đơn, áp dụng đối với các đơn vị nghiệp vụ của cơ quan nhà nước mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập như Viện Khoa học kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Công an, Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh; Phòng Giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng đang gặp phải một số vướng mắc.

Bộ Tài chính đã nắm bắt và ghi nhận được các vướng mắc nêu trên để sẽ rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật cho phù hợp với thực tế.

*3.4. Về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chi phí giám định tư pháp*

Theo quy định tại Điều 36 Luật Giám định tư pháp thì “Người trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định có trách nhiệm trả chi phí giám định tư pháp cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về chi phí giám định tư pháp”. Như vậy, theo quy định nêu trên, thì nguồn thu từ chi phí giám định là nguồn thu hợp pháp của các tổ chức giám định tư pháp công lập khi thực hiện giám định theo trưng cầu, yêu cầu của người trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Giám định tư pháp thì “*Kinh phí hoạt động của tổ chức giám định tư pháp công lập được đảm bảo từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật”.*

Như vậy, kinh phí hoạt động của các tổ chức giám định tư pháp công lập ngoài nguồn từ ngân sách nhà nước thì được đảm bảo từ nguồn thu chi phí giám định. Trên cơ sở đó, đơn vị thực hiện quản lý nguồn thu đảm bảo phù hợp với nội dung các khoản chi phí phục vụ cho công tác giám định tư pháp theo quy định tại Pháp lệnh Chi phí giám định, Nghị định số 81/2014/NĐ-CP, đảm bảo theo nguyên tắc không trùng lắp với những hoạt động được đảm bảo kinh phí từ NSNN bố trí cho công tác giám định tư pháp. Nguyên tắc này đảm bảo tính đúng, tính đủ hơn chi phí giám định tư pháp so với cơ chế phí giám định trước đây.

**Một số kiến nghị:**

(1) Đối với hoạt động quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương về giám định tư pháp, đề nghị các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, địa phương lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí đảm bảo hoạt động, quản lý giám định tư pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định hiện hành.

(2) Các bộ, ngành ban hành quy trình giám định, định mức kinh tế - kỹ thuật để tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân giám định tư pháp công lập tính toán mức thu chi phí cụ thể.

(3) Các tổ chức giám định tư pháp căn cứ vào Pháp lệnh về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch, Nghị định số 81/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch và nghiên cứu quy định tại Thông tư số 25/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ để xác định mức thu chi phí giám định

(4) Tiếp tục quan tâm, bảo đảm nguồn lực cho công tác giám định tư pháp, đẩy nhanh tiến độ triển khai chuyển sang thực hiện theo cơ chế “chi phí giám định tư pháp”; nhất là đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giám định tư pháp cần chuyển dần từ cơ chế bố trí dự toán kinh phí hoạt động sang thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ.

(5) Kiến nghị Tòa án nhân dân tối cao (là cơ quan chủ trì xây dựng Pháp lệnh về chi phí giám định tư pháp) rà soát đánh giá tình hình thực hiện Pháp lệnh về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu quản lý.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan rà soát để sửa đổi, bổ sung quy định hiện hành về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác giám định tư pháp phù hợp với chủ trương của Đảng, Chính phủ và tình hình thực tế triển khai./.

**Tham luận**

**PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO CỦA NGÀNH NGÂN HÀNH VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP VÀ BẢO ĐẢM HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG TRONG THỜI GIAN TỚI**

***Ngân hàng Nhà nước Việt Nam***

Thực hiện Luật giám định tư pháp năm 2012, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành Thông tư số 44/2014/TT-NHNN ngày 19/12/2014 hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, tạo lập có sở pháp lý thống nhất trong việc giám định tư pháp trong ngành ngân hàng.

Ngày 10/6/2020, Quốc hội Khóa XIV đã ban hành Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp. Ngay sau khi Luật số 56/2020/QH14 được ban hành, NHNN đã tiến hành nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện giám định tư pháp theo Thông tư 44/2014/TT-NHNN, xây dựng kế hoạch ban hành thông tư thay thế Thông tư 44/2014/TT-NHNN, trong đó sửa đổi, bổ sung nhiều quy định có tính giải pháp, phù hợp với thực tiễn và quy định của Luật số 56/2020/QH14, bảo đảm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao của ngành Ngân hàng về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng trong thời gian tới.

**1. Về thực trạng tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng theo quy định hiện hành**

Theo quy định tại Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, NHNN thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của Ngân hàng Trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước.

Theo quy định tại Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì cơ cấu tổ chức của NHNN gồm có trụ sở chính và các Vụ, Cục, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố.

Hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng bao gồm tất cả các hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản. Mọi hoạt động đời sống, kinh tế xã hội của tổ chức, cá nhân đều có liên quan đến hoạt động tiền tệ và ngân hàng. Do vậy, số lượng các vụ việc được trưng cầu giám định liên quan đến tiền tệ và hoạt động ngân hàng ngày càng gia tăng, phức tạp.

***1.1. Về thực trạng tổ chức, hoạt động và quản lý giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật giám định tư pháp thì NHNN là tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc và thực hiện giám định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 19 Luật Giám định tư pháp. Việc tổ chức thực hiện giám định tư pháp tại NHNN được triển khai như sau:

*a) Về tổ chức giám định tư pháp*

- Đơn vị đầu mối tiếp nhận trưng cầu giám định, tham mưu xử lý: Cơ quan Thanh tra Giám sát ngân hàng.

- Đơn vị đầu mối về bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, báo cáo Bộ Tư pháp: Vụ Tổ chức cán bộ.

- Đơn vị thực hiện đăng tải danh sách giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc trên Trang thông tin điện tử của NHNN: Vụ Truyền thông.

*b) Đơn vị thực hiện*

- Các đơn vị thuộc Cơ quan Thanh tra Giám sát ngân hàng.

- Các Vụ, Cục thuộc NHNN Trung ương.

- NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

*c) Tình hình bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp; lập, công bố danh sách người giám định theo vụ việc*

Từ 01/01/2013 đến 30/08/2020, NHNN đã:

- Bổ nhiệm 267 giám định viên tư pháp (GĐVTP) trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, trong đó: GĐVTP lĩnh vực hoạt động ngân hàng: 261 người; lĩnh vực ngoại hối và kinh doanh vàng: 03 người; lĩnh vực tiền giấy, tiền kim loại: 03 người;

- Lập, công bố danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc: 394 người;

Giám định viên tư pháp được bổ nhiệm, người giám định tư pháp theo vụ việc được công bố đều đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giám định tư pháp, Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp và Thông tư số 44/2014/TT/NHNN. Danh sách GĐVTP được bổ nhiệm, người giám định tư pháp theo vụ việc được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của NHNN, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để báo cáo và đăng tải theo quy định.

*d) Về thực hiện giám định tư pháp*

Từ 01/01/2013 đến ngày 10/12/2020, NHNN đã:

- Tiếp nhận 252 quyết định trưng cầu giám định (QĐTCGĐ) của các cơ quan trưng cầu giám định tại Trung ương và địa phương gửi đến, trong đó, có 04 QĐTCGĐ trưng cầu trực tiếp GĐVTP của NHNN; 248 QĐTCGĐ vụ việc;

- Từ chối thực hiện giám định 36 QĐTCGĐ, trong đó 22 QĐTCGĐ không thuộc đối tượng giám định của NHNN, 12 QĐTCGĐ NHNN không đủ điều kiện để thực hiện giám định (giám định thẻ quốc tế), 02 QĐTCGĐ cơ quan Cảnh sát điều tra không cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu để giám định;

- Triển khai thành lập 212 tổ giám định; cử 04 công chức thực hiện giám định;

- Đã ban hành 179 kết luận giám định (KLGĐ) gửi cơ quan trưng cầu giám định, về cơ bản KLGĐ gửi cơ quan trưng cầu giám định bảo đảm yêu cầu về nội dung, chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của các cơ quan trưng cầu giám định;

- Tạm dừng giám định 06 QĐTCGĐ, trong đó 02 QĐTCGĐ theo đề nghị tạm dừng của Cơ quan cảnh sát điều tra;

- Đang thực hiện 31 QĐTCGĐ.

NHNN chỉ đạo các đơn vị thuộc NHNN tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện để hỗ trợ công chức tham gia giám định.

NHNN chỉ đạo các đoàn giám định phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Cảnh sát điều tra, Cơ quan an ninh điều tra, Tòa án nhân dân để tiếp nhận hồ sơ, tài liệu phục vụ giám định, hoàn thành kết luận giám định gửi cơ quan trưng cầu giám định theo quy định; nghiên cứu xử lý các khó khăn, vướng mắc về công tác giám định và tham gia đầy đủ các ý kiến về thực hiện công tác giám định tư pháp khi Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan đến hoạt động giám định yêu cầu.

Đặc biệt, từ năm 2018 đến nay, với việc thực hiện Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp ban hành theo Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 28/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ,NHNN đã tiếp nhận 126 QĐTCGĐ; từ chối 17 QĐTCGĐ; ban hành 81 kết luận giám định.

*đ) Về công tác đào tạo*

Từ năm 2017 đến nay, NHNN đã tổ chức 06 lớp tập huấn, bồi dưỡng, trong đó phối hợp với Bộ Tư pháp mở 04 lớp tập huấn kiến thức pháp lý về giám định tư pháp; tổng số cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng là 433 công chức về nội dung Luật Giám định tư pháp, Nghị định số 85/2013/NĐ-CP, Thông tư số 44/2014/TT-NHNN, Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp và các văn bản khác liên quan đến hoạt động giám định tư pháp.

Đặc biệt, kết quả triển khai thực hiện Đề án từ năm 2018 đến tháng 8/2020: Đã tổ chức 04 khóa đào tạo, tập huấn, trong đó 03 khóa đào tạo tập trung và 01 khóa đào tạo trực tuyến cho 268 lượt công chức tham gia.

***1.2. Đánh giá chung***

*a) Mặt được*

- Việc ban hành văn bản hướng dẫn giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng của NHNN đã được quan tâm thực hiện, về cơ bản, đáp ứng được yêu cầu của công tác giám định tư pháp.

- Công tác giám định tư pháp được đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của 01 Phó Thống đốc NHNN.

- Bộ máy tổ chức phục vụ cho hoạt động giám định tư pháp đã được hình thành và ngày càng được kiện toàn, bao gồm: bộ phận đầu mối tiếp nhận, tham mưu, xử lý thực hiện và đơn vị triển khai thực hiện giám định; có sự phân công phù hợp với chức năng của các đơn vị; đội ngũ giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc được tăng cường cả về số lượng và chất lượng.

- NHNN tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất, kinh phí, phương tiện để hỗ trợ cán bộ, công chức tham gia giám định theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu.

- Có sự phối hợp kịp thời của Cơ quan trưng cầu giám định các cấp và các Bộ, ngành có liên quan.

- Các kết luận giám định cơ bản đáp ứng được yêu cầu của cơ quan trưng cầu giám định, góp phần phục vụ có hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử của cơ quan tố tụng.

*b) Mặt hạn chế*

- Việc triển khai (trình bổ nhiệm giám định viên tư pháp, giao, phân công, thành lập tổ giám định…) đôi khi còn chưa kịp thời.

- Thời gian thực hiện giám định còn kéo dài, do:

(i) Nhiều nội dung yêu cầu giám định phức tạp, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau có liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn mới phát sinh, khối lượng công việc lớn, nhưng thiếu cơ sở pháp lý phục vụ công tác giám định; nhiều nội dung yêu cầu giám định căn cứ cơ sở pháp lý thuộc các bộ, ngành khác và vượt quá khả năng chuyên môn của giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp của NHNN;

(ii) Một số cơ quan trưng cầu giám định chưa xác định được các nội dung, vụ việc có liên quan trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng để ban hành quyết định trưng cầu giám định, dẫn đến nhiều quyết định trưng cầu giám định không thuộc lĩnh vực, nội dung giám định của NHNN;

(iii) Hồ sơ, tài liệu, thông tin, mẫu vật… thường không được gửi kèm quyết định trưng cầu giám định dẫn đến công tác kiểm tra, đối chiếu với lĩnh vực giám định của NHNN không thực hiện được, không có cơ sở để kịp thời từ chối giám định, giao nhận hồ sơ, tài liệu, thông tin, mẫu vật… theo quy định, kéo dài thời gian tham mưu, chỉ đạo, phân công, giao cho các đơn vị triển khai thực hiện.

- Năng lực, trình độ chuyên môn, kiến thức pháp lý của đội ngũ giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc còn bất cập, hạn chế.

- Việc trưng cầu giám định lại lần đầu có sự khác nhau trong một số trường hợp giữa cơ quan điều tra và tòa án.

- Số lượng vụ việc cần trưng cầu giám định trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ngày càng gia tăng với số lượng lớn.

- Quy định về tiêu chuẩn, phạm vi giám định tư pháp, về quy trình giám định tư pháp; việc giao nhận thông tin, hồ sơ, tài liệu, mẫu vật, đối tượng giám định; thời hạn giám định; kết luận giám định; hồ sơ giám định tư pháp; trách nhiệm của các đơn vị liên quan, chế độ báo cáo về việc thực hiện giám định tư pháp,.. còn bất cập, chưa có quy định hoặc quy định chưa đầy đủ.

**2. Phương hướng, giải pháp cụ thể để bảo đảm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao của ngành Ngân hàng về giám định tư pháp và chất lượng hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng trong thời gian tới**

Để khắc phục tồn tại nêu trên, tăng cường công tác giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, NHNN đã tổng kết, đánh giá việc thực hiện Thông tư 44/2014/TT-NHNN, các quy định của Luật Giám định tư pháp năm 2012. Trên cơ sở đó, Thống đốc NHNN đã ký ban hành Thông tư số 14/2020/TT-NHNN ngày 16/11/ 2020quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng thay thế Thông tư 44/2014/TT-NHNN. Theo đó, phương hướng, giải pháp để đảm bảo thực hiện có hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp đã được thể hiện và quy định cụ thể, bao gồm:

- Trước hết, về mặt thẩm quyền, tăng cường sự phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị thuộc NHNN: Thông tư 14/2020/TT-NHNN đã phân cấp cho NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố thực hiện việc công nhận, sửa đổi, bổ sung thông tin đối với người giám định tư pháp theo vụ việc;

- Bổ sung vào tiêu chuẩn giám định viên tư pháp quy định về thời gian hoạt động chuyên môn (đủ 5 năm), quy định cụ thể các lĩnh vực được đào tạo phù hợp với phạm vi giám định tư pháp của NHNN, đặc biệt là bổ sung quy định về tiêu chuẩn đối với những người không có trình độ đại học nhưng được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về các lĩnh vực thuộc phạm vi giám định tư pháp của NHNN nhằm sử dụng, khai thác hết nguồn nhân lực tiềm năng cho hoạt động giám định tư pháp;

- Tiếp tục quy định giao một đơn vị đầu mối là Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc tham mưu, đề xuất Thống đốc phân công, giao các đơn vị thực hiện và đầu mối quản lý, giám sát, nhận báo cáo, xử lý khó khăn, vướng mắc của các đơn vị trong quá trình thực hiện giám định;

- Bổ sung quy định về việc cấp thẻ giám định viên tư pháp; quy định cụ thể về trình tự, thủ tục công nhận, hủy bỏ công nhận, đăng tải người giám định tư pháp theo vụ việc, có quy định thời gian xử lý tối đa;

- Tiếp tục xác định quy chuẩn chuyên môn và các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng;

- Bổ sung quy định cụ thể việc tiếp nhận trưng cầu giám định, trong đó quy định cụ thể đơn vị đầu mối, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đầu mối, các đơn phối hợp, thời gian tiếp nhận, phối hợp xử lý khi NHNN được trưng cầu; phân định rõ việc xử lý khi tiếp nhận trưng cầu giám định trưng cầu trực tiếp giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc của NHNN;

- Bổ sung quy định cụ thể việc giao nhận, mở hồ sơ niêm phong hồ sơ, đói tượng giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật;

- Bổ sung, sửa đổi việc giám định bổ sung, giám định lại, bao gồm cả quy trình tiếp nhận, phân công giám định và đặc biệt là giám định lại lần đầu về tiền giả theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Việc giám định lại lần thứ hai được bổ sung quy định cụ thể về đơn vị đầu mối xử lý là Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng;

- Quy định cụ thể về quy trình giám định, theo đó, quy trình giám định gồm (i) chuẩn bị giám định; (ii) thực hiện giám định; (iii) kết luận giám định; (iv) lập, bàn giao, lưu giữ hồ sơ giám định. Trong việc chuẩn bị giám định, yêu cầu người giám định phải xây dựng đề cương giám định, xác định nội dung yêu cầu giám định, hồ sơ, tài liệu liên quan, quy chuẩn chuyên môn, trang thiết bị cần thiết phải sử dụng, thuê,.. Khi thực hiện giám định, người giám định phải nghiên cứu hồ sơ, đối tượng giám định, so sánh, đánh giá với quy chuẩn chuyên môn đối với từng nội dung vụ việc yêu cầu giám định để đưa ra kết luận;

- Bổ sung quy định thời hạn giám định, theo đó, quy định cụ thể thời hạn giám định cho từng nội dung thuộc phạm vi giám định tư pháp của NHNN, đặc biệt là thời hạn giám định tối đa 4 tháng đối với các vụ việc phức tạp, có nhiều nội dung yêu cầu giám định nhằm hạn chế kéo dài thời gian giám định, ảnh hưởng đến thời hạn tố tụng của các cơ quan tham gia tố tụng;

- Bổ sung quy định việc ban hành kết luận giám định, trong đó quy định cụ thể việc kết luận giám định trong trường hợp NHNN được trưng cầu giám định, giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc của NHNN được trưng cầu giám định, việc ký, xác nhận đối với các trường hợp này;

- Bổ sung quy định về việc lập, bàn giao hồ sơ giám định, trong đó quy định cụ thể các loại hồ sơ, tài liệu,.. phải được lập, bàn giao, việc lưu giữ và sử dụng kết luận giám định;

- Ngoài ra, quy định cụ thể chế độ báo cáo bao gồm: báo cáo tháng và báo cáo năm, trách nhiệm của từng đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm Thống đốc NHNN luôn có thể nắm bắt được kết quả, tiến độ, khó khăn, vướng mắc để kịp thời chỉ đạo, xử lý.

Tất cả các quy định được sửa đổi, bổ sung (từ khâu nhận bàn giao hồ sơ tài liệu đến việc bổ nhiệm, chuẩn bị giám định, thực hiện giám định, lập đề cương giám định, biên bản ghi lại quá trình giám định, kết luận giám định, việc bàn giao hồ sơ giám định và việc báo cáo,... ) đều được quy định, hướng dẫn theo các phụ lục.

Thông tư số 14/2020/TT-NHNN có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. với các quy định được bổ sung, sửa đổi nêu trên, NHNN có thể tin rằng quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng của NHNN về cơ bản đã hướng dẫn đầy đủ các quy định của Luật giám định tư pháp, phù hợp với đặc thù, đã hoàn thiện, đầy đủ, đảm bảo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao về giám định tư pháp thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước của NHNN trong thời gian tới khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021./.

**Tham luận**

**PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP NHẰM TRIỂN KHAI CÓ HIỆU QUẢ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

***Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh***

Ngày 10/6/2020, Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021). Ngày 24/9/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp (ban hành kèm theo Quyết định số 1450/QĐ-TTg ngày 24/9/2020). Trên cơ sở triển khai thực hiện các văn bản nêu trên và tình hình hoạt động giám định tư pháp tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất một số nội dung về phương hướng và giải pháp nhằm triển khai có hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về giám định tư pháp theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp như sau:

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**1. Về tổ chức và đội ngũ giám định tư pháp**

Hiện nay, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có 03 tổ chức giám định tư pháp, bao gồm: Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế Thành phố, Phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an Thành phố và Văn phòng giám định tư pháp Sài Gòn (hoạt động trong lĩnh vực tài chính); có 05 tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc (gồm 01 đơn vị chuyên môn trong lĩnh vực xây dựng, 01 đơn vị chuyên môn giám định xe cơ giới, 01 đơn vị chuyên môn giám định lĩnh vực văn hóa và 02 đơn vị chuyên môn trong lĩnh vực khoa học và công nghệ).

Bên cạnh đó, Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 274 người làm công tác giám định tư pháp, trong đó có 240 giám định viên tư pháp, 34 người giám định tư pháp theo vụ việc trong các lĩnh vực đang công tác tại các Sở, ngành, tổ chức và 02 giám định viên tư pháp độc lập; có 107 người giúp việc trực tiếp cho giám định viên tư pháp và 44 người giúp việc gián tiếp cho giám định viên tư pháp trong quá trình thực hiện giám định tư pháp.

**2. Về hoạt động giám định tư pháp**

Hoạt động giám định tư pháp ngày càng được củng cố và nề nếp, việc thông tin, tuyên truyền, công bố danh sách người, tổ chức giám định tư pháp được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Kết quả số lượng vụ việc giám định tư pháp tại Thành phố Hồ Chí Minh trong các năm như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Lĩnh vực** | **Số lượng vụ việc** | | | | | |  | **Tổng cộng** |
| **Năm**  **2015** | **Năm**  **2016** | **Năm**  **2017** | **Năm**  **2018** | **Năm**  **2019** | **10 tháng đầu năm 2020** | |  |
| 1 | Pháp y | 10.170 | 12.530 | 12.055 | 9.029 | 10.476 | 3.969 | | **58.229** |
| 2 | Kỹ thuật hình sự | 6.655 | 6.369 | 6.987 | 1.018 | 9.704 | 9.577 | | **40.310** |
| 3 | Tài chính | 3 | 2 | 32 | - | - | 40 | | **77** |
| 4 | Thuế | 33 | 25 | - | 28 | - | - | | **86** |
| 5 | Văn hóa | 5 | 4 | 3 | 1 | 4 | - | | **17** |
| 6 | Xây dựng | 32 | 8 | 13 | 11 | 79 | - | | **143** |
| 7 | Thông tin và Truyền thông | 8 | 1 | 8 | 5 | - | - | | **22** |
| 8 | Khoa học và Công nghệ | 1 | 0 | - | - | - | **-** | | **1** |
| **Tổng cộng** | | **16.907** | **18.939** | **19.098** | **10.092** | **20.263** | **13.586** | | **98.885** |

**3. Về chế độ, chính sách hỗ trợ cho giám định viên tư pháp và người làm công tác giám định**

Khi tiến hành giám định, người giám định tư pháp được các cơ quan trưng cầu giám định chi trả tiền bồi dưỡng theo quy định của Quyết định 01/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó, từ ngày 01/01/2012 đến nay, các giám định viên tư pháp của Thành phố Hồ Chí Minh còn được ngân sách Thành phố hỗ trợ thêm 830.000 đồng/người/tháng, người giúp việc trực tiếp cho giám định viên tư pháp được hỗ trợ 581.000 đồng/người/tháng và người giúp việc gián tiếp cho giám định viên tư pháp được hỗ trợ 415.000 đồng/người/tháng (theo Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 18/4/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chế độ hỗ trợ cho giám định viên tư pháp và người làm công tác giám định). Tổng số tiền chi bồi dưỡng đội ngũ giám định viên tư pháp, người giúp việc trực tiếp cho giám định viên tư pháp, người giúp việc trực tiếp cho giám định viên tư pháp theo Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND khoảng hơn 2,5 tỷ đồng mỗi năm.

**4. Công tác quản lý nhà nước về giám định tư pháp**

Xác định đội ngũ giám định viên tư pháp là lực lượng chính thực hiện giám định nên để tăng cường đội ngũ này, Ủy ban nhân dân Thành phố đã chỉ đạo các sở, ngành chuyên môn quản lý về lĩnh vực giám định phối hợp với Sở Tư pháp tiến hành lựa chọn những người có đủ tiêu chuẩn theo quy định pháp luật để lập hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong các lĩnh vực. Trên cơ sở rà soát các tổ chức giám định tư pháp và người giám định tư pháp trên địa bàn Thành phố, định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố công bố trên Trang Thông tin điện tử của Thành phố, thông báo danh sách tổ chức giám định tư pháp, giám định viên tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc và người giám định tư pháp theo vụ việc cho các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn Thành phố.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động giám định tư pháp theo quy định của Luật Giám định tư pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan có nhiều giải pháp động viên, khuyến khích các giám định viên tư pháp đủ điều kiện thành lập Văn phòng giám định tư pháp trong các lĩnh vực. Năm 2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đã quyết định thành lập Văn phòng giám định tư pháp Sài Gòn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính.

Ngoài ra, công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ người làm công tác giám định là một trong những công tác quan trọng nên bên cạnh việc cử giám định viên tư pháp trong các lĩnh vực tham gia các lớp bồi dưỡng do Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành tổ chức thì Ủy ban nhân dân Thành phố còn chỉ đạo Sở Tư pháp và các sở, ngành chuyên môn quản lý về lĩnh vực giám định chủ động nghiên cứu, tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ người làm công tác giám định tư pháp trên địa bàn Thành phố.

**5. Một số khó khăn, vướng mắc**

- Trong thời gian qua, công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về giám định tư pháp được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện, tuy nhiên hình thức tuyên truyền chưa đa dạng, chủ yếu tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ công chức và người thực hiện giám định, chưa tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, đặc biệt là các điểm mới của Luật Giám định tư pháp để người dân biết và yêu cầu giám định tư pháp để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

- Mặc dù Thành phố đã có nhiều cố gắng trong việc bổ sung đội ngũ giám định viên tư pháp nhưng số lượng giám định viên vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, do giám định tư pháp là công việc đặc thù, điều kiện, môi trường làm việc không thuận lợi, chế độ chính sách đãi ngộ chưa tương xứng nhưng trách nhiệm pháp lý của người thực hiện giám định rất cao nên khó khăn trong việc thu hút, tuyển dụng người làm công tác giám định tư pháp, nhất là trong lĩnh vực giám định pháp y; trong một số lĩnh vực giám định số lượng vụ việc trong còn ít nên một số Sở, ngành chưa tập trung lựa chọn, lập hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

- Thời gian gần đây, mặc dù các Bộ, ngành đã quan tâm, ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định về quy chuẩn chuyên môn thực hiện giám định tư pháp trong một số lĩnh vực, tuy nhiên vẫn chưa đầy đủ trong các lĩnh vực (như giám định cháy nổ, giám định nguyên nhân tử vong, giám định mô bệnh học; giám định độc chất,…); việc thiếu quy chuẩn chuyên môn đã ảnh hưởng nhất định đến công tác giám định, cũng như chưa có căn cứ để các sở, ngành lựa chọn và đề nghị công bố các tổ chức chuyên môn có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để thực hiện giám định tư pháp theo vụ việc. Ngoài ra, có trường hợp quy chuẩn thực hiện giám định chưa rõ ràng, phù hợp với thực tiễn nên đã gây khó khăn cho người, tổ chức giám định tư pháp trong việc thực hiện giám định, cũng như các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc sử dụng kết luận giám định để giải quyết vụ việc.

- Kinh phí cấp cho các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng trong việc trưng cầu giám định tư pháp chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế, kinh phí chi trả cho việc thực hiện giám định tư pháp chủ yếu dựa vào kinh phí cấp cho giải quyết án hình sự và sự hỗ trợ kinh phí của Thành phố, trong khi việc chi trả chi phí giám định cho các tổ chức chuyên môn hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực là rất lớn (đối với những vụ việc phức tạp, đòi hỏi phải có trang thiết bị, máy móc chuyên ngành, các cơ quan trưng cầu giám định phải trưng cầu các đơn vị kinh doanh thực hiện và trả chi phí theo giá thị trường), có trường hợp chi phí giám định khi trưng cầu các tổ chức chuyên môn hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực thực hiện giám định cao hơn giá trị bồi thường thiệt hại mà các bên đang tranh chấp nên có tình trạng né tránh, dẫn đến việc trưng cầu và thực hiện giám định thường bị kéo dài, ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết các vụ án.

- Đa số giám định viên tư pháp làm việc theo chế độ kiêm nhiệm nên các giám định viên tư pháp chủ yếu tập trung vào công việc chuyên môn được giao, chưa dành nhiều thời gian và sự tập trung để thực hiện công tác giám định tư pháp khi có trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp. Do đó, phần nào ảnh hưởng đến thời gian trả kết quả giám định.

- Trong thời gian qua, các trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động giám định tư pháp đã được Ủy ban nhân dân Thành phố quan tâm đầu tư, tuy nhiên, việc triển khai thực hiện còn chậm, do phải tuân thủ trình tự, thủ tục mua sắm tài sản theo quy định và việc phối hợp giữa các cơ quan có liên quan chưa chặt chẽ, có trường hợp khi thực hiện xong các thủ tục mua sắm thì giá của trang thiết bị, máy móc đã thay đổi theo giá thị trường nên phải thực hiện đấu thầu lại. Việc thực hiện giám định trong một số trường hợp phải tiến hành ngay tại hiện trường, nơi xảy ra tai nạn hoặc nơi phát hiện đối tượng giám định, tuy nhiên, các tổ chức giám định tư pháp chưa được trang bị xe chuyên dụng để vận chuyển trang thiết bị giám định cũng như khó khăn trong việc di chuyển của các giám định viên tư pháp trong trường hợp xảy ra cùng lúc nhiều vụ việc.

- Hiện nay, sau khi các cơ quan từ Trung ương đến Thành phố chủ động thực hiện nhiều giải pháp khắc phục thì tình trạng nợ đọng tiền bồi dưỡng giám định đã giảm đáng kể, việc thanh toán được các cơ quan tiến hành tố tụng chú trọng hơn. Tuy nhiên, việc thanh toán tiền bồi dưỡng có lúc vẫn còn chậm trong các lĩnh vực có số lượng vụ việc giám định lớn như pháp y, kỹ thuật hình sự.

- Việc phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp, cũng như cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với các sở, ngành quản lý về lĩnh vực giám định tư pháp, các tổ chức giám định tư pháp có đôi lúc còn chưa chặt chẽ nên ảnh hưởng đến việc đánh giá chất lượng giám định tư pháp, hoạch định chính sách, dự báo nhu cầu trong hoạt động giám định tư pháp. Bên cạnh đó, đội ngũ người tiến hành tố tụng chưa được quan tâm trang bị những kiến thức kỹ thuật cần thiết về giám định tư pháp nên gặp khó khăn trong việc đánh giá, sử dụng kết luận giám định.

- Mặc dù Thành phố đã có nhiều cố gắng trong việc động viên, khuyến khích những người có đủ điều kiện tham gia thành lập tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập theo chủ trương xã hội hóa hoạt động giám định tư pháp của Luật Giám định tư pháp, tuy nhiên, do đa số các giám định viên tư pháp trong các lĩnh vực được xã hội hóa đang công tác kiêm nhiệm tại các sở, ngành nên không đủ điều kiện thành lập Văn phòng giám định tư pháp theo quy định; hơn nữa, một số lĩnh vực giám định tư pháp được xã hội hóa có số lượng vụ việc giám định ít, trong thời điểm hiện nay nhu cầu của xã hội chưa cao, cộng với chi phí đầu tư trang thiết bị, máy móc, phương tiện giám định rất lớn (như giám định xây dựng), nhưng thù lao, chi phí giám định chưa tương xứng nên việc thành lập các Văn phòng giám định tư pháp còn hạn chế.

- Công tác quản lý các giám định viên tư pháp độc lập (đã nghỉ hưu, nghỉ việc, chuyển làm công tác khác...) còn gặp khó khăn do chưa có cơ chế thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực giám định; việc quản lý và lưu trữ hồ sơ giám định do các giám định viên này thực hiện còn riêng lẻ (mỗi giám định viên tự lưu hồ sơ giám định do mình thực hiện) nên việc bảo quản hồ sơ chưa an toàn, việc cung cấp hồ sơ giám định cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng gặp khó khăn.

**II. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẰM TRIỂN KHAI CÓ HIỆU QUẢ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

Trong điều kiện nhà nước đang đẩy mạnh cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa như hiện nay, việc đổi mới và hoàn thiện các tổ chức bổ trợ tư pháp nói chung và giám định tư pháp nói riêng là một trong những nội dung quan trọng. Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị thực hiện một số công tác sau để triển khai có hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp trong thời gian tới:

**1. Về triển khai có hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giám định tư pháp**

Xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giám định tư pháp trên địa bàn Thành phố, trong đó, tập trung một số nội dung như: tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến giám định tư pháp, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật; củng cố, phát triển đội ngũ cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo hướng gắn với nhu cầu giám định thực tế của hoạt động tố tụng (rà soát, đổi mới quy trình bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp và công nhận, đăng tải danh sách người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; rà soát, cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp); đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp và kiến thức pháp lý cho người làm giám định tư pháp, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về giám định cho người tiến hành tố tụng; đảm bảo kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trong hoạt động giám định tư pháp trên địa bàn Thành phố.

Tiếp tục thực hiện việc chi tiền bồi dưỡng đối với đội ngũ giám định viên tư pháp, người giúp việc trực tiếp cho giám định viên tư pháp, người giúp việc trực tiếp cho giám định viên tư pháp trên địa bàn Thành phố theo quy định.

Chủ động nghiên cứu hình thức bồi dưỡng kiến thức phù hợp, tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật và chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ người làm công tác giám định theo định kỳ trên cơ sở khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của người giám định tư pháp và các cơ quan tiến hành tố tụng trên địa bàn Thành phố.

Tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động giám định tư pháp theo quy định của Luật Giám định tư pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các Sở, ngành có liên quan có nhiều giải pháp động viên, khuyến khích các giám định viên tư pháp đủ điều kiện thành lập Văn phòng giám định tư pháp trong các lĩnh vực, góp phần tích cực giải quyết tốt nhu cầu trưng cầu giám định tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng và đáp ứng kịp thời các yêu cầu giám định của người dân Thành phố trong lĩnh vực này.

**2. Một số kiến nghị hoàn thiện các quy định pháp luật về giám định tư pháp**

***a) Kiến nghị Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp ở Trung ương***

- Kiến nghị Chính phủ cho phép áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với cá nhân, tổ chức khoa học công nghệ *(quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ)* cho các cá nhân, tổ chức giám định tư pháp.

- Chỉ đạo các Bộ, ngành sớm ban hành đầy đủ các quy chuẩn chuyên môn thực hiện giám định trong các lĩnh vực; đồng thời, tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chuẩn đã ban hành nhưng chưa phù hợp, bất cập trong quá trình thực hiện trên thực tế.

***b) Kiến nghị các Bộ, ngành***

- Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan sớm ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí giám định làm cơ sở xác định chi phí giám định tư pháp trong các lĩnh vực.

- Bộ Y tế sớm ban hành quy định về giá dịch vụ giám định pháp y theo Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ để các Trung tâm Pháp y cấp tỉnh có đủ cơ sở pháp lý được nhà nước đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động theo quy định.

- Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, xây dựng chế độ đãi ngộ tương xứng để thu hút những chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực tham gia vào hoạt động giám định tư pháp; có cơ chế ưu đãi để khuyến khích các nguồn lực xã hội đầu tư vào hoạt động giám định tư pháp.

- Bộ Tư pháp sớm ban hành quy định trong việc tôn vinh, khen thưởng những cá nhân, tổ chức có nhiều cống hiến, đóng góp trong hoạt động giám định tư pháp; các Bộ, ngành quản lý lĩnh vực giám định tăng cường tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về lĩnh vực giám định tư pháp.

- Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an chỉ đạo các cơ quan tiến hành tố tụng tại địa phương phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp trong việc thống kê, đánh giá chất lượng hoạt động giám định, kết luận giám định tư pháp, dự báo nhu cầu trưng cầu giám định; hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan tiến hành tố tụng địa phương chú trọng phân bổ kinh phí đây đủ cho công tác trưng cầu giám định để đảm bảo chi trả đầy đủ chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp và phí giám định tư pháp theo quy định.

Trên đây là tham luận “Phương hướng và giải pháp bảo đảm nâng cao hiệu quả của hoạt động giám định tư pháp tại Thành phố Hồ Chí Minh”, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xin trình bày với Hội nghị, kính chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.

|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------------** |
| Luật số: 56/2020/QH14 | *Hà Nội, ngày 10 tháng 06 năm 2020* |

**LUẬT**

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp**

1. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 3 Điều 2 như sau;

“1. *Giám định tư pháp* là việc người giám định tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trưng cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định theo quy định của Luật này.

2. *Người trưng cầu giám định* bao gồm cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

3. *Người yêu cầu giám định* là người có quyền tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định mà không được chấp nhận. Người có quyền tự mình yêu cầu giám định bao gồm đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ, trừ trường hợp việc yêu cầu giám định liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Tuân thủ pháp luật, tuân theo quy chuẩn chuyên môn và quy trình giám định.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định tư pháp hoặc lợi dụng việc trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp để gây khó khăn, cản trở hoạt động tố tụng.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật này hoặc đơn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cá nhân đã là giám định viên tư pháp nhưng bị miễn nhiệm do nghỉ hưu hoặc thôi việc để thành lập Văn phòng giám định tư pháp.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp.”.

5. Sửa đổi, bổ sung tên điều và một số khoản của Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên điều như sau:

**“Điều 9. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp và cấp thẻ giám định viên tư pháp”;**

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này, đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế bổ nhiệm giám định viên pháp y thuộc bộ mình.

Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này, đề nghị Bộ trưởng Bộ Công an bổ nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc bộ, ngành mình.

Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này, đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý.

Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này, tiếp nhận hồ sơ của người đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp quy định tại Điều 8 của Luật này, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp. Trường hợp từ chối thì phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.”;

c) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Người được bổ nhiệm giám định viên tư pháp được cấp thẻ giám định viên tư pháp.

Người có thẩm quyền bổ nhiệm giám định viên tư pháp quy định tại khoản 1 Điều này có thẩm quyền cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

Mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

**“Điều 10. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp**

1. Các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này;

b) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này;

c) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp;

d) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật này;

đ) Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn điều kiện phù hợp để tiếp tục thực hiện giám định tư pháp;

g) Theo đề nghị của giám định viên tư pháp. Trường hợp giám định viên tư pháp là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

h) Giám định viên tư pháp được bổ nhiệm để thành lập Văn phòng giám định tư pháp nhưng sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày được bổ nhiệm không thành lập Văn phòng hoặc sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập Văn phòng mà không đăng ký hoạt động.

2. Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp bao gồm:

a) Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức quản lý giám định viên tư pháp hoặc đơn xin miễn nhiệm của giám định viên tư pháp;

b) Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế miễn nhiệm giám định viên pháp y thuộc thẩm quyền quản lý.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Công an miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc thẩm quyền quản lý.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ miễn nhiệm giám định viên tư pháp hoạt động tại các cơ quan ở trung ương ở lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý theo đề nghị của Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp sau khi thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Tư pháp.

4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp và điều chỉnh danh sách giám định viên tư pháp trên cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để điều chỉnh danh sách chung về giám định viên tư pháp.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“2. Từ chối giám định trong trường hợp nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn hoặc không có đủ năng lực, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định; đối tượng giám định, tài liệu liên quan được cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định tư pháp sau khi đã đề nghị người trưng cầu, người yêu cầu giám định bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng; thời gian không đủ để thực hiện giám định; tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm. Trường hợp từ chối giám định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu hoặc yêu cầu giám định, phải thông báo cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 như sau:

“4. Tổ chức giám định tư pháp công lập về kỹ thuật hình sự bao gồm:

a) Viện khoa học hình sự thuộc Bộ Công an;

b) Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh;

c) Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng;

d) Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

5. Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện giám định về âm thanh, hình ảnh từ các dữ liệu điện tử. Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh có giám định viên pháp y thực hiện giám định pháp y tử thi.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Chính phủ quy định chi tiết chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc của tổ chức giám định tư pháp công lập quy định tại khoản 2, khoản 3, các điểm a, b và c khoản 4 Điều này.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.”.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 15 như sau:

“a) Có từ đủ 03 năm trở lên là giám định viên tư pháp và có hoạt động giám định trong lĩnh vực đề nghị thành lập Văn phòng;”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

**“Điều 20. Công nhận và đăng tải danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc**

1. Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bộ, cơ quan ngang bộ khác, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn cá nhân, tổ chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Luật này để ra quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý để đáp ứng yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng.

Danh sách kèm theo thông tin về chuyên ngành giám định, kinh nghiệm, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được đăng tải, rà soát và cập nhật trên cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung.

2. Danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc quy định tại khoản 1 Điều này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lựa chọn, quyết định việc trưng cầu giám định,

Trong trường hợp đặc biệt, người trưng cầu giám định có thể trưng cầu cá nhân, tổ chức chuyên môn có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Luật này không thuộc danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã công bố để thực hiện giám định nhưng phải nêu rõ lý do trong quyết định trưng cầu.

Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Kiểm toán nhà nước, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh có trách nhiệm giới thiệu cá nhân, tổ chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Luật này ngoài danh sách đã công bố để thực hiện giám định.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 như sau:

“2. Người trưng cầu giám định có nghĩa vụ:

a) Xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định trong vụ án, vụ việc đang giải quyết; lựa chọn cá nhân, tổ chức có năng lực, đủ điều kiện thực hiện giám định phù hợp với tính chất, nội dung cần giám định để ra quyết định trưng cầu giám định;

b) Ra quyết định trưng cầu giám định bằng văn bản;

c) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan đến đối tượng, nội dung cần giám định theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp;

d) Tạm ứng, thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp;

đ) Thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ người giám định tư pháp hoặc người thân thích của người giám định tư pháp khi có căn cứ xác định tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người giám định tư pháp hoặc người thân thích của người giám định tư pháp bị đe dọa do việc thực hiện giám định tư pháp, tham gia vụ án, vụ việc với tư cách là người giám định tư pháp.”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Người yêu cầu giám định có quyền gửi văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng không chấp nhận yêu cầu thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu trưng cầu giám định, phải thông báo cho người yêu cầu giám định bằng văn bản. Hết thời hạn nói trên hoặc kể từ ngày nhận được thông báo từ chối trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định có quyền tự mình yêu cầu giám định.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định lại; yêu cầu giám định bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này.”.

13. Bổ sung các điểm d, đ và e vào sau điểm c khoản 1 Điều 23 như sau:

“d) Đề nghị người trưng cầu giám định hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật khi có dấu hiệu bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của bản thân hoặc người thân thích do việc thực hiện giám định tư pháp, tham gia vụ án, vụ việc với tư cách là người giám định tư pháp;

đ) Từ chối thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật này;

e) Được bố trí vị trí phù hợp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa.”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

**“Điều 24. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp**

1. Tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có quyền:

a) Yêu cầu người trưng cầu, người yêu cầu giám định cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, mẫu vật cần thiết cho việc giám định;

b) Từ chối tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp trong trường hợp nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn hoặc không có đủ năng lực, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định; đối tượng giám định, tài liệu liên quan được cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định tư pháp sau khi đã đề nghị người trưng cầu, người yêu cầu giám định bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng; thời gian không đủ để thực hiện giám định; tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm;

c) Được nhận tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp; được thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp khi trả kết quả giám định.

2. Tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có nghĩa vụ:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp, phải phân công người có trình độ chuyên môn, khả năng nghiệp vụ phù hợp với nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định, chịu trách nhiệm về năng lực chuyên môn của người đó và thông báo cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn ngắn hơn.

Người đứng đầu tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức thực hiện giám định, trường hợp cần có từ 02 người trở lên thực hiện vụ việc giám định thì phải phân công người chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện giám định;

b) Bảo đảm thời gian, trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định.

Trong quá trình thực hiện giám định, nếu có nội dung mới hoặc vấn đề khác phát sinh thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải thông báo ngay bằng văn bản cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định biết để thống nhất phương án giải quyết;

c) Bồi thường thiệt hại trong trường hợp người thực hiện giám định do mình phân công cố ý kết luận giám định sai, gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức;

d) Trường hợp từ chối tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp thì phải thông báo cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu, yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn ngắn hơn;

đ) Chịu trách nhiệm về kết luận giám định tư pháp do mình đưa ra.”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

**“Điều 25. Trưng cầu giám định tư pháp**

1. Người trưng cầu giám định quyết định trưng cầu giám định tư pháp bằng văn bản và gửi quyết định kèm theo đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có) đến cá nhân, tổ chức thực hiện giám định. Trường hợp đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan không thể gửi kèm theo quyết định trưng cầu giám định thì người trưng cầu giám định có trách nhiệm làm thủ tục bàn giao cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

2. Quyết định trưng cầu giám định phải có các nội dung sau đây:

a) Tên cơ quan trưng cầu giám định; hạ, tên người có thẩm quyền trưng cầu giám định;

b) Tên tổ chức; họ, tên người được trưng cầu giám định;

c) Tóm tắt nội dung sự việc;

d) Tên và đặc điểm của đối tượng cần giám định;

đ) Tên tài liệu, đồ vật có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

e) Nội dung chuyên môn của vấn đề cần giám định;

g) Ngày, tháng, năm trưng cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định tư pháp.

3. Trường hợp trưng cầu giám định bổ sung hoặc trưng cầu giám định lại thì quyết định trưng cầu giám định phải ghi rõ là trưng cầu giám định bổ sung hoặc trưng cầu giám định lại và lý do của việc giám định bổ sung hoặc giám định lại.

4. Trong trường hợp cần thiết, trước khi ra quyết định trưng cầu giám định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trao đối với cá nhân, tổ chức dự kiến được trưng cầu giám định và cơ quan có liên quan về nội dung trưng cầu, thời hạn giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật cần cho việc giám định và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).

5. Trường hợp nội dung cần giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực, thuộc trách nhiệm của nhiều tổ chức thì người trưng cầu giám định phải tách riêng từng nội dung để trưng cầu tổ chức có chuyên môn phù hợp thực hiện giám định.

Trường hợp các nội dung giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn có quan hệ mật thiết với nhau, thuộc trách nhiệm của nhiều tổ chức mà việc tách riêng từng nội dung gây khó khăn cho việc thực hiện giám định, ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả giám định hoặc kéo dài thời gian giám định thì người trưng cầu giám định phải xác định được nội dung chính cần giám định để xác định tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp trong việc thực hiện giám định.

Tổ chức chủ trì có trách nhiệm làm đầu mối tổ chức triển khai việc giám định chung và thực hiện giám định phần nội dung chuyên môn của mình.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định, tổ chức được trưng cầu giám định tư pháp phải có văn bản cử người giám định gửi người trưng cầu giám định; đối với tổ chức phối hợp thực hiện giám định thì còn phải gửi văn bản cử người giám định cho tổ chức chủ trì việc thực hiện giám định. Tổ chức chủ trì phải tổ chức ngay việc giám định sau khi nhận được văn bản cử người của tổ chức phối hợp thực hiện giám định. Việc giám định trong trường hợp này được thực hiện theo hình thức giám định tập thể thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật này.

Trường hợp phát sinh vướng mắc trong việc trưng cầu, phối hợp thực hiện giám định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chủ trì, phối hợp với tổ chức được trưng cầu để giải quyết.”.

16. Bổ sung Điều 26a vào sau Điều 26 như sau:

**“Điều 26a. Thời hạn giám định tư pháp trong trường hợp trưng cầu giám định**

1. Thời hạn giám định tư pháp được tính từ ngày cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định nhận được quyết định trưng cầu giám định và kèm theo đầy đủ hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật cần thiết cho việc giám định.

Trong quá trình thực hiện giám định, trường hợp cần phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu làm cơ sở cho việc giám định thì cá nhân, tổ chức được trưng cầu có văn bản đề nghị người đã trưng cầu giám định bổ sung hồ sơ, tài liệu. Thời gian từ khi cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định có văn bản đề nghị đến khi nhận được hồ sơ, tài liệu bổ sung không tính vào thời hạn giám định.

2. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

3. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này tối đa là 03 tháng. Trường hợp vụ việc giám định có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn thì thời hạn giám định tối đa là 04 tháng.

Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp căn cứ vào thời hạn giám định tối đa và tính chất chuyên môn của lĩnh vực giám định quy định thời hạn giám định tư pháp cho từng loại việc cụ thể. Thời hạn giám định tư pháp có thể được gia hạn theo quyết định của cơ quan trưng cầu giám định nhưng không quá một phần hai thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.

4. Người trưng cầu giám định có thể thống nhất về thời hạn giám định với cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định trước khi trưng cầu giám định tư pháp nhưng không được vượt quá thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp có vấn đề phát sinh hoặc có cơ sở cho rằng vụ việc giám định không thể hoàn thành đúng thời hạn thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người trưng cầu giám định và thời gian dự kiến hoàn thành, ra kết luận giám định.”.

17. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 như sau:

**“Điều 31. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp**

1. Người thực hiện giám định tư pháp phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ, trung thực bằng văn bản toàn bộ quá trình thực hiện vụ việc giám định.

2. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp nêu rõ tình trạng đối tượng gửi giám định và thông tin, tài liệu có liên quan gửi kèm theo làm căn cứ để thực hiện giám định, thời gian, địa điểm, nội dung công việc, tiến độ, phương pháp thực hiện giám định, kết quả thực hiện và phải có chữ ký của người giám định tư pháp.

Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp phải được lưu trong hồ sơ giám định.”.

18. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

**“Điều 32. Kết luận giám định tư pháp**

1. Kết luận giám định tư pháp phải bằng văn bản, bao gồm các nội dung sau đây:

a) Họ, tên người giám định tư pháp; tổ chức thực hiện giám định tư pháp;

b) Tên cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, họ, tên người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định tư pháp; số văn bản trưng cầu giám định hoặc họ, tên người yêu cầu giám định;

c) Thông tin xác định đối tượng giám định;

d) Thời gian nhận văn bản trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp;

đ) Nội dung yêu cầu giám định;

e) Phương pháp thực hiện giám định;

g) Kết luận rõ ràng, cụ thể về nội dung chuyên môn của đối tượng cần giám định theo trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp;

h) Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định.

2. Trong trường hợp trưng cầu, yêu cầu cá nhân thực hiện giám định tư pháp thì bản kết luận giám định tư pháp phải có chữ ký và ghi rõ họ, tên của người giám định tư pháp. Trường hợp yêu cầu tổ chức cử người giám định thì bản kết luận giám định tư pháp phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ, tên của người giám định tư pháp và có xác nhận chữ ký của tổ chức cử người giám định.

Trường hợp trưng cầu, yêu cầu tổ chức thực hiện giám định tư pháp thì ngoài chữ ký, họ, tên của người giám định, người đứng đầu tổ chức còn phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định tư pháp và tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp phải chịu trách nhiệm về kết luận giám định tư pháp.

Trường hợp Hội đồng giám định quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật này thực hiện giám định thì người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định tư pháp và chịu trách nhiệm về tư cách pháp lý của Hội đồng giám định.

3. Trong trường hợp việc giám định được thực hiện trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, theo đúng trình tự, thủ tục do Luật này quy định thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể sử dụng kết luận giám định đó như kết luận giám định tư pháp.”.

19. Sửa đổi, bổ sung các khoản 2, 3 và 4 Điều 33 như sau:

“2. Hồ sơ giám định tư pháp phải được lập theo mẫu thống nhất.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm quy định chi tiết về mẫu, thành phần hồ sơ từng loại việc giám định và chế độ lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Tổ chức được trưng cầu, thực hiện giám định tư pháp chịu trách nhiệm bảo quản, lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp do người giám định thuộc tổ chức mình thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của bộ, ngành, cơ quan mình.

Người thực hiện giám định có trách nhiệm bàn giao hồ sơ giám định tư pháp cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của bộ, ngành, cơ quan mình.

4. Hồ sơ giám định tư pháp được xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự.”.

20. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

**“Điều 36. Chi phí giám định tư pháp**

1. Người trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định có trách nhiệm trả chi phí giám định tư pháp cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về chi phí giám định tư pháp.

2. Kinh phí thanh toán chi phí giám định tư pháp mà cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm chi trả được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo dự toán hằng năm của cơ quan đó để thực hiện nhiệm vụ giám định tư pháp.”.

21. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 37 như sau:

“1a. Việc thực hiện giám định tư pháp của công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng là hoạt động công vụ. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có trách nhiệm bảo đảm đủ thời gian và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định. Người thực hiện giám định được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật

Người giám định tư pháp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc không do Nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp trên cơ sở thỏa thuận với người trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định.”.

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 38 như sau:

“2. Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc có đóng góp tích cực cho hoạt động giám định tư pháp thì được tôn vinh, khen thưởng.”.

23. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

**“Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp ở lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý và hướng dẫn thi hành các văn bản đó;

b) Ban hành quy trình giám định; ban hành hoặc hướng dẫn áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp; căn cứ yêu cầu và tính chất đặc thù của lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý quy định cụ thể về thời hạn đối với từng loại việc giám định;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc quyết định thành lập, củng cố, kiện toàn tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Luật này; phân công đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ làm đầu mối quản lý chung công tác giám định tư pháp;

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp thẻ, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo thẩm quyền; công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành mình, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp;

đ) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm số lượng, chất lượng hoạt động của người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp; bảo đảm kinh phí, trang thiết bị, phương tiện giám định và điều kiện vật chất cần thiết khác cho cá nhân, tổ chức giám định thuộc bộ, ngành mình quản lý;

e) Hằng năm, đánh giá chất lượng hoạt động của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý; kịp thời tôn vinh, khen thưởng cá nhân, tổ chức giám định tư pháp có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp;

g) Quy định điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định của Văn phòng giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý;

h) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp, kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý;

i) Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý; phối hợp với Bộ Tư pháp trong công tác kiểm tra, thanh tra về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp theo quy định tại khoản 6 Điều 40 của Luật này;

k) Thực hiện hợp tác quốc tế về giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý;

l) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổng kết về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

2. Cơ quan thuộc Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng quy trình giám định đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp ban hành theo thẩm quyền;

b) Công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp; hằng năm, tổng kết, gửi Bộ Tư pháp báo cáo về hoạt động giám định tư pháp của cơ quan mình;

c) Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm đ, e và h khoản 1 Điều này.”.

24. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 42 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 như sau:

“đ) Ban hành chỉ tiêu thống kê, thực hiện thống kê hằng năm về trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm h và bổ sung điểm i vào sau điểm h khoản 2 như sau:

“h) Hằng năm, tổng kết và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp, đồng thời gửi bộ, ngành có liên quan về tình hình trưng cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý; chỉ đạo Công an cấp tỉnh gửi báo cáo về Sở Tư pháp, đồng thời gửi sở, ngành có liên quan về tình hình trưng cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, nhu cầu giám định ở địa phương;

i) Lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí bảo đảm chi trả chi phí giám định tư pháp; trường hợp kinh phí được cấp không đủ thì lập dự toán để cấp bổ sung bảo đảm chi trả kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.”;

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm đ, e, g và i khoản 2 Điều này; hằng năm, tổng kết và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp, đồng thời gửi bộ, ngành có liên quan về tình hình trưng cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý.”.

25. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 43 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 như sau:

“a) Thành lập tổ chức giám định tư pháp công lập; quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp;

b) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp thẻ, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo thẩm quyền; công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở địa phương; đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp;

c) Bảo đảm kinh phí, trang thiết bị, phương tiện giám định và điều kiện vật chất cần thiết khác cho cá nhân, tổ chức giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp ở địa phương;

đ) Hằng năm, đánh giá chất lượng hoạt động của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp ở địa phương theo quy định của Chính phủ, kịp thời tôn vinh, khen thưởng cá nhân, tổ chức giám định tư pháp có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp và báo cáo kết quả cho Bộ Tư pháp;”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương; chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn khác giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp với Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương; phân công đơn vị làm đầu mối giúp cơ quan chuyên môn trong việc quản lý công tác giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.”.

26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 44 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Ban hành chỉ tiêu thống kê, thực hiện thống kê về trưng cầu, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và báo cáo Quốc hội trong báo cáo công tác hằng năm, đồng thời gửi báo cáo về Bộ Tư pháp, bộ, ngành có liên quan; chỉ đạo Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về Sở Tư pháp, đồng thời gửi sở, ngành có liên quan về tình hình trưng cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, nhu cầu giám định ở địa phương.”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4, bổ sung khoản 5 và khoản 6 vào sau khoản 4 như sau:

“4. Lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí bảo đảm chi trả chi phí giám định tư pháp, chi phí tham dự phiên tòa của người giám định trong hệ thống cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; trường hợp kinh phí được cấp không đủ thì lập dự toán để cấp bổ sung bảo đảm chi trả kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp và chi phí tham dự phiên tòa của người giám định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định việc bố trí vị trí của người giám định tư pháp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

6. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thành lập, củng cố, kiện toàn tổ chức của Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; đăng tải và cập nhật danh sách giám định viên tư pháp trên cổng thông tin điện tử của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp; kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp của Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc thẩm quyền quản lý; hằng năm, đánh giá chất lượng hoạt động giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý; kịp thời tôn vinh, khen thưởng cá nhân, tổ chức giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp; trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổng kết về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ.”.

27. Bãi bỏ khoản 3 Điều 45.

28. Thay thế cụm từ “cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 3 Điều 16, khoản 3 Điều 17 và khoản 3 Điều 19.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2020.*

|  |  |
| --- | --- |
| **VĂN PHÒNG QUỐC HỘI --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 01/VBHN-VPQH | *Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2020* |

**LUẬT**

**GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019;

2. Luật số 56/2020/QH14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;*

*Quốc hội ban hành Luật Giám định tư pháp*[[1]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn1)*.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định về giám định viên tư pháp; tổ chức giám định tư pháp; người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; hoạt động giám định tư pháp; chi phí giám định tư pháp, chế độ, chính sách trong hoạt động giám định tư pháp và trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với tổ chức, hoạt động giám định tư pháp.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.[[2]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn2) *Giám định tư pháp* là việc người giám định tư pháp sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự, giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính theo trưng cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định theo quy định của Luật này.

2.[[3]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn3) *Người trưng cầu giám định* bao gồm cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

3.[[4]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn4) *Người yêu cầu giám định* là người có quyền tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định mà không được chấp nhận. Người có quyền tự mình yêu cầu giám định bao gồm đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ, trừ trường hợp việc yêu cầu giám định liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.

4. *Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp* bao gồm giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp công lập, tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập và tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc.

5*. Người giám định tư pháp* bao gồm giám định viên tư pháp và người giám định tư pháp theo vụ việc.

6. *Giám định viên tư pháp* là người đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm để thực hiện giám định tư pháp.

7. *Người giám định tư pháp theo vụ việc* là người đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 18 và Điều 20 của Luật này, được trưng cầu, yêu cầu giám định.

8. *Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc* là cơ quan, tổ chức đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật này, được trưng cầu, yêu cầu giám định.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp**

1.[[5]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn5) Tuân thủ pháp luật, tuân theo quy chuẩn chuyên môn và quy trình giám định.

2. Trung thực, chính xác, khách quan, vô tư, kịp thời.

3. Chỉ kết luận về chuyên môn những vấn đề trong phạm vi được yêu cầu.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận giám định.

**Điều 4. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức đối với hoạt động giám định tư pháp**

1. Cá nhân, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Cá nhân, tổ chức khác có trách nhiệm tạo điều kiện để người giám định tư pháp thực hiện giám định theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 5. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động giám định tư pháp**

1. Nhà nước đầu tư, phát triển hệ thống tổ chức giám định tư pháp công lập trong các lĩnh vực có nhu cầu giám định lớn, thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của hoạt động tố tụng; có chính sách ưu đãi tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập phát triển.

2. Nhà nước có chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với người giám định tư pháp.

**Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Từ chối đưa ra kết luận giám định tư pháp mà không có lý do chính đáng.

2. Cố ý đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật.

3.[[6]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn6) Cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định tư pháp hoặc lợi dụng việc trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp để gây khó khăn, cản trở hoạt động tố tụng.

4. Lợi dụng việc thực hiện giám định tư pháp để trục lợi.

5. Tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi tiến hành giám định tư pháp.

6. Xúi giục, ép buộc người giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật.

7. Can thiệp, cản trở việc thực hiện giám định của người giám định tư pháp.

**Chương II**

**GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP**

**Điều 7. Tiêu chuẩn bổ nhiệm giám định viên tư pháp**

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể được xem xét, bổ nhiệm giám định viên tư­ pháp:

a) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự đã trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự thì thời gian hoạt động thực tế chuyên môn từ đủ 03 năm trở lên;

c) Đối với người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự phải có chứng chỉ đã qua đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định.

2. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được bổ nhiệm giám định viên tư pháp:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý;

c) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định chi tiết khoản 1 Điều này đối với giám định viên tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

**Điều 8. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp**

1.[[7]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn7) Văn bản đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị quy định tại khoản 2 Điều 9 của Luật này hoặc đơn đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp của cá nhân đã là giám định viên tư pháp nhưng bị miễn nhiệm do nghỉ hưu hoặc thôi việc để thành lập Văn phòng giám định tư pháp.

2. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm.

3.[[8]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn8) Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp. Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì không cần có Phiếu lý lịch tư pháp.

4. Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môncủa cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc.

5. Chứng chỉ đào tạo hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ giám định đối với người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự.

6. Các giấy tờ khác chứng minh người được đề nghị bổ nhiệm đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có thẩm quyền quản lý lĩnh vực giám định.

**Điều 9. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp và cấp thẻ giám định viên tư pháp**[[9]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn9)

1. Bộ trưởng Bộ Y tế bổ nhiệm giám định viên pháp y, giám định viên pháp y tâm thần hoạt động tại các cơ quan ở trung ương.

Bộ trưởng Bộ Công an bổ nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự hoạt động tại các cơ quan ở trung ương.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ bổ nhiệm giám định viên tư pháp hoạt động trong các lĩnh vực khác tại các cơ quan ở trung ương thuộc phạm vi quản lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương.

2.[[10]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn10)Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này, đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế bổ nhiệm giám định viên pháp y thuộc bộ mình.

Bộ Quốc phòng, Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này, đề nghị Bộ trưởng Bộ Công an bổ nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc bộ, ngành mình.

Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp có trách nhiệm lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7của Luật này, đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý.

Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tư pháp lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này, tiếp nhận hồ sơ của người đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp quy định tại Điều 8 của Luật này, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương.

Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp. Trường hợp từ chối thì phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập, đăng tải danh sách giám định viên tư pháp trên cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấptỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung về giám định viên tư pháp.

4.[[11]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn11) Người được bổ nhiệm giám định viên tư pháp được cấp thẻ giám định viên tư pháp.

Người có thẩm quyền bổ nhiệm giám định viên tư pháp quy định tại khoản 1 Điều này có thẩm quyền cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

Mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

**Điều 10. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp**[[12]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn12)

1. Các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật này;

b) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này;

c) Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp;

d) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật này;

đ) Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn điều kiện phù hợp để tiếp tục thực hiện giám định tư pháp;

g) Theo đề nghị của giám định viên tư pháp. Trường hợp giám định viên tư pháp là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

h) Giám định viên tư pháp được bổ nhiệm để thành lập Văn phòng giám định tư pháp nhưng sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày được bổ nhiệm không thành lập Văn phòng hoặc sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày có quyết định cho phép thành lập Văn phòng mà không đăng ký hoạt động.

2. Hồ sơ đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp bao gồm:

a) Văn bản đề nghị miễn nhiệm giám định viên tư pháp của cơ quan, tổ chức quản lý giám định viên tư pháp hoặc đơn xin miễn nhiệm của giám định viên tư pháp;

b) Văn bản, giấy tờ chứng minh giám định viên tư pháp thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế miễn nhiệm giám định viên pháp y thuộc thẩm quyền quản lý.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Công an miễn nhiệm giám định viên kỹ thuật hình sự thuộc thẩm quyền quản lý.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ miễn nhiệm giám định viên tư pháp hoạt động tại các cơ quan ở trung ương ở lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý theo đề nghị của Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp sau khi thống nhất ý kiến với Giám đốc Sở Tư pháp.

4. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm giám định viên tư pháp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp và điều chỉnh danh sách giám định viên tư pháp trên cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để điều chỉnh danh sách chung về giám định viên tư pháp.

**Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của giám định viên tư pháp**

1. Thực hiện giám định theo trưng cầu, yêu cầu của người trưng cầu, người yêu cầu giám định hoặc theo sự phân công của cơ quan, tổ chức được trưng cầu, yêu cầu.

2.[[13]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn13) Từ chối giám định trong trường hợp nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn hoặc không có đủ năng lực, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định; đối tượng giám định, tài liệu liên quan được cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định tư pháp sau khi đã đề nghị người trưng cầu, người yêu cầu giám định bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng; thời gian không đủ để thực hiện giám định; tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm. Trường hợp từ chối giám định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu hoặc yêu cầu giám định, phải thông báo cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ giám định, kiến thức pháp luật.

4. Thành lập Văn phòng giám định tư pháp khi có đủ điều kiện quy định tại Điều 15 của Luật này.

5. Thành lập, tham gia hội giám định viên tư pháp theo quy định của pháp luật về hội.

6. Hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 23 và khoản 1 Điều 34 của Luật này.

**Chương III**

**TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

**Mục 1. TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP CÔNG LẬP**

**Điều 12. Tổ chức giám định tư pháp công lập**

1. Tổ chức giám định tư pháp công lập được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần và kỹ thuật hình sự.

Trường hợp cần thiết, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thành lập hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức giám định tư pháp công lập trong các lĩnh vực khác sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

2. Tổ chức giám định tư pháp công lập về pháp y bao gồm:

a) Viện pháp y quốc gia thuộc Bộ Y tế;

b) Trung tâm pháp y cấp tỉnh;

c) Viện pháp y quân đội thuộc Bộ Quốc phòng;

d) Trung tâm giám định pháp y thuộc Viện khoa học hình sự, Bộ Công an.

3. Tổ chức giám định tư pháp công lập về pháp y tâm thần bao gồm:

a) Viện pháp y tâm thần trung ương thuộc Bộ Y tế;

b) Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thuộc Bộ Y tế.

Căn cứ yêu cầu giám định pháp y tâm thần của hoạt động tố tụng và điều kiện thực tế của các khu vực, vùng miền trong cả nước, Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét, quyết định thành lập Trung tâm pháp y tâm thần khu vực sau khi thống nhất ý kiến với Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

4.[[14]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn14) Tổ chức giám định tư pháp công lập về kỹ thuật hình sự bao gồm:

a) Viện khoa học hình sự thuộc Bộ Công an;

b) Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh;

c) Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng;

d) Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

5.[[15]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn15) Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện giám định về âm thanh, hình ảnh từ các dữ liệu điện tử. Căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương, Phòng kỹ thuật hình sự thuộc Công an cấp tỉnh có giám định viên pháp y thực hiện giám định pháp y tử thi.

6. Tổ chức giám định tư pháp công lập có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật.

7.[[16]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn16) Chính phủ quy định chi tiết chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc của tổ chức giám định tư pháp công lập quy định tại khoản 2, khoản 3, các điểm a, b và c khoản 4 Điều này.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

**Điều 13. Bảo đảm cơ sở vật chất cho tổ chức giám định tư pháp công lập**

1. Tổ chức giám định tư pháp công lập được Nhà nước bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí, trang thiết bị, phương tiện và điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định tư pháp.

2. Kinh phí hoạt động của tổ chức giám định tư pháp công lập được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Y tế quy định về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định cho tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần.

Bộ Công an quy định về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định cho tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự.

**Mục 2. TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP NGOÀI CÔNG LẬP**

**Điều 14. Văn phòng giám định tư pháp**

1. Văn phòng giám định tư pháp là tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập, được thành lập trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả.

2. Văn phòng giám định tư pháp do 01 giám định viên tư pháp thành lập thì được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Văn phòng giám định tư pháp do 02 giám định viên tư pháp trở lên thành lập thì được tổ chức và hoạt động theo loại hình công ty hợp danh.

Người đại diện theo pháp luật của Văn phòng giám định tư pháp là Trưởng văn phòng. Trưởng văn phòng giám định tư pháp phải là giám định viên tư pháp.

**Điều 15. Điều kiện thành lập Văn phòng giám định tư pháp**

1. Giám định viên tư pháp được thành lập Văn phòng giám định tư pháp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a)[[17]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn17) Có từ đủ 03 năm trở lên là giám định viên tư pháp và có hoạt động giám định trong lĩnh vực đề nghị thành lập Văn phòng;

b) Có Đề án thành lập theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 của Luật này.

2. Cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng không được thành lập Văn phòng giám định tư pháp.

**Điều 16. Cấp phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở hoạt động xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

2. Giám định viên tư pháp xin phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp gửi hồ sơ xin phép thành lập đến Sở Tư pháp. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn xin phép thành lập;

b) Bản sao Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp;

c) Dự thảo Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp;

d) Đề án thành lập Văn phòng giám định tư pháp phải nêu rõ mục đích thành lập; dự kiến về tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở; điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định theo quy định của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định và kế hoạch triển khai thực hiện.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, thẩm định hồ sơ xin phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp, thống nhất ý kiến với người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[[18]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn18) quản lý lĩnh vực giám định tư pháp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp. Trường hợp không cho phépthì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người bị từ chối có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 17.** **Đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp**

1. Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập, Văn phòng giám định tư pháp đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp.

Sau thời hạn 01 năm, kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép thành lập, Văn phòng giám định tư pháp không đăng ký hoạt động thì Quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp hết hiệu lực.

2. Văn phòng giám định tư pháp gửi hồ sơ đăng ký hoạt động đến Sở Tư pháp. Hồ sơ baogồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký hoạt động;

b) Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp;

c) Giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện bảo đảm hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp theo Đề án thành lập quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 của Luật này;

d) Bản sao quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[[19]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn19) quản lý về lĩnh vực giám định tư pháp kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện theo Đề án thành lập quy định tại điểm d khoản 2 Điều 16 của Luật này vàcấp Giấy đăng ký hoạt động; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi Quyết định cho phép thành lập. Người bị từ chối có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

4. Văn phòng giám định tư pháp được hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động.

**Chương IV**

**NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC, TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP THEO VỤ VIỆC**

**Điều 18. Người giám định tư pháp theo vụ việc**

1. Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ tiêu chuẩn sau đây có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc:

a) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt;

b) Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.

2. Trong trường hợp người không có trình độ đại học nhưng có kiến thức chuyên sâu và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn về lĩnh vực cần giám định thì có thể được lựa chọn làm người giám định tư pháp theo vụ việc.

3. Người giám định tư pháp theo vụ việc thực hiện giám định theo trưng cầu, yêu cầu giám định theo quy định của Luật này. Người giám định tư pháp theo vụ việc có quyền và nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 6 và 7 Điều 11 của Luật này.

**Điều 19. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc**

1. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc phải có đủ điều kiện sau đây:

a) Có tư cách pháp nhân;

b) Có hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung được trưng cầu, yêu cầu giám định;

c) Có điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất bảo đảm cho việc thực hiện giám định tư pháp.

2. Tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc thực hiện giám định theo trưng cầu, yêu cầu giám định theo quy định của Luật này.Người đứng đầu tổ chức có trách nhiệm tiếp nhận và phân công người thực hiện giám định tư pháp.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh[[20]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn20) chỉ thực hiện giám định tư pháp theo trưng cầu của người trưng cầu giám định.

**Điều 20. Công nhận và đăng tải danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc**[[21]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn21)

1. Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, bộ, cơ quan ngang bộ khác, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn cá nhân, tổ chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Luật này để ra quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý để đáp ứng yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng.

Danh sách kèm theo thông tin về chuyên ngành giám định, kinh nghiệm, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được đăng tải, rà soát và cập nhật trên cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi Bộ Tư pháp để lập danh sách chung.

2. Danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc quy định tại khoản 1 Điều này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lựa chọn, quyết định việc trưng cầu giám định.

 Trong trường hợp đặc biệt, người trưng cầu giám định có thể trưng cầu cá nhân, tổ chức chuyên môn có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Luật này không thuộc danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã công bố để thực hiện giám định nhưng phải nêu rõ lý do trong quyết định trưng cầu.

Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh có trách nhiệm giới thiệu cá nhân, tổ chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Luật này ngoài danh sách đã công bố để thực hiện giám định.

**Chương V**

**HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

**Điều 21. Quyền, nghĩa vụ của người trưng cầu giám định tư pháp**

1. Người trưng cầu giám định có quyền:

a) Trưng cầu cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 4 Điều 2 của Luật này thực hiện giám định;

b) Yêu cầu cá nhân, tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trả kết luận giám định đúng nội dung và thời hạn đã yêu cầu;

c) Yêu cầu cá nhân, tổ chức đã thực hiện giám định tư pháp giải thích kết luận giám định.

2.[[22]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn22) Người trưng cầu giám định có nghĩa vụ:

a) Xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định trong vụ án, vụ việc đang giải quyết; lựa chọn cá nhân, tổ chức có năng lực, đủ điều kiện thực hiện giám định phù hợp với tính chất, nội dung cần giám định để ra quyết định trưng cầu giám định;

b) Ra quyết định trưng cầu giám định bằng văn bản;

c) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan đến đối tượng, nội dung cần giám định theo yêu cầu của cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp;

d) Tạm ứng, thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp;

đ) Thực hiện hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp theo quy định của pháp luật để bảo vệ người giám định tư pháp hoặc người thân thích của người giám định tư pháp khi có căn cứ xác định tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của người giám định tư pháp hoặc người thân thích của người giám định tư pháp bị đe dọa do việc thực hiện giám định tư pháp, tham gia vụ án, vụ việc với tư cách là người giám định tư pháp.

**Điều 22. Quyền, nghĩa vụ của người yêu cầu giám định tư pháp**

1.[[23]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn23) Người yêu cầu giám định có quyền gửi văn bản yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng không chấp nhận yêu cầu thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu trưng cầu giám định, phải thông báo cho người yêu cầu giám định bằng văn bản. Hết thời hạn nói trên hoặc kể từ ngày nhận được thông báo từ chối trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định có quyền tự mình yêu cầu giám định.

2. Người yêu cầu giám định có quyền:

a) Yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp trả kết luận giám định đúng thời hạn đã thỏa thuận và theo nội dung đã yêu cầu;

b) Yêu cầu cá nhân, tổ chức đã thực hiện giám định tư pháp giải thích kết luận giám định;

c) Đề nghị Tòa án triệu tập người giám định tư pháp đã thực hiện giám định tham gia phiên tòa để giải thích, trình bày về kết luận giám định;

d)[[24]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn24) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định lại; yêu cầu giám định bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này.

3. Người yêu cầu giám định tư pháp có nghĩa vụ:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến đối tượng giám định theo yêu cầu của người giám định tư pháp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu do mình cung cấp;

b) Nộp tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi yêu cầu giám định; thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định khi nhận kết luận giám định.

4. Người yêu cầu giám định chỉ được thực hiện quyền tự yêu cầu giám định trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm*.*

**Điều 23. Quyền, nghĩa vụ của người giám định tư pháp khi thực hiện giám định tư pháp**

1. Người giám định tư pháp có quyền:

a) Lựa chọn phương pháp cần thiết, phù hợp để tiến hành giám định theo nội dung yêu cầu giám định;

b) Sử dụng kết quả thực nghiệm, xét nghiệm bổ sung hoặc kết luận chuyên môn do cá nhân, tổ chức khác thực hiện nhằm phục vụ cho việc giám định;

c) Độc lập đưa ra kết luận giám định.

d)[[25]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn25) Đề nghị người trưng cầu giám định hoặc cơ quan có thẩm quyền thực hiện biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật khi có dấu hiệu bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của bản thân hoặc người thân thích do việc thực hiện giám định tư pháp, tham gia vụ án, vụ việc với tư cách là người giám định tư pháp;

đ)[[26]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn26) Từ chối thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật này;

e)[[27]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn27) Được bố trí vị trí phù hợp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

2. Người giám định tư pháp có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ các nguyên tắc thực hiện giám định tư pháp;

b) Thực hiện giám định theo đúng nội dung yêu cầu giám định;

c) Thực hiện và trả kết luận giám định đúng thời hạn yêu cầu; trong trường hợp cần thiết phải có thêm thời gian để thực hiện giám định thì phải thông báo kịp thời cho người trưng cầu, yêu cầu giám định biết;

d) Lập hồ sơ giám định;

đ) Bảo quản mẫu vật giám định, tài liệu liên quan đến vụ việc giám định;

e) Không được thông báo kết quả giám định cho người khác, trừ trường hợp được người đã trưng cầu, yêu cầu giám định đồng ý bằng văn bản;

g) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định do mình đưa ra. Trường hợp cố ý đưa ra kết luận giám định sai sự thật gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức thì còn phải bồi thường, bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

3. Ngoài các quyền, nghĩa vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người giám định tư pháp có quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về tố tụng.

**Điều 24. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp**[[28]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn28)

1. Tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có quyền:

a) Yêu cầu người trưng cầu, người yêu cầu giám định cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, mẫu vật cần thiết cho việc giám định;

b) Từ chối tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp trong trường hợp nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định không phù hợp với phạm vi chuyên môn hoặc không có đủ năng lực, điều kiện cần thiết cho việc thực hiện giám định; đối tượng giám định, tài liệu liên quan được cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để kết luận giám định tư pháp sau khi đã đề nghị người trưng cầu, người yêu cầu giám định bổ sung, làm rõ nhưng không được đáp ứng; thời gian không đủ để thực hiện giám định; tính độc lập, khách quan của việc thực hiện giám định không được bảo đảm;

c) Được nhận tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp; được thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp khi trả kết quả giám định.

2. Tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp có nghĩa vụ:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp, phải phân công người có trình độ chuyên môn, khả năng nghiệp vụ phù hợp với nội dung trưng cầu, yêu cầu giám định, chịu trách nhiệm về năng lực chuyên môn của người đó và thông báo cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn ngắn hơn.

Người đứng đầu tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức thực hiện giám định, trường hợp cần có từ 02 người trở lên thực hiện vụ việc giám định thì phải phân công người chịu trách nhiệm điều phối việc thực hiện giám định;

b) Bảo đảm thời gian, trang thiết bị, phương tiện và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định.

Trong quá trình thực hiện giám định, nếu có nội dung mới hoặc vấn đề khác phát sinh thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải thông báo ngay bằng văn bản cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định biết để thống nhất phương án giải quyết;

c) Bồi thường thiệt hại trong trường hợp người thực hiện giám định do mình phân công cố ý kết luận giám định sai, gây thiệt hại cho cá nhân, tổ chức;

d) Trường hợp từ chối tiếp nhận trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp thì phải thông báo cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu, yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn ngắn hơn;

đ) Chịu trách nhiệm về kết luận giám định tư pháp do mình đưa ra.

**Điều 25. Trưng cầu giám định tư pháp**[[29]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn29)

1. Người trưng cầu giám định quyết định trưng cầu giám định tư pháp bằng văn bản và gửi quyết định kèm theo đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có) đến cá nhân, tổ chức thực hiện giám định. Trường hợp đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật có liên quan không thể gửi kèm theo quyết định trưng cầu giám định thì người trưng cầu giám định có trách nhiệm làm thủ tục bàn giao cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

2. Quyết định trưng cầu giám định phải có các nội dung sau đây:

a) Tên cơ quan trưng cầu giám định; họ, tên người có thẩm quyền trưng cầu giám định;

b) Tên tổ chức; họ, tên người được trưng cầu giám định;

c) Tóm tắt nội dung sự việc;

d) Tên và đặc điểm của đối tượng cần giám định;

đ) Tên tài liệu, đồ vật có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

e) Nội dung chuyên môn của vấn đề cần giám định;

g) Ngày, tháng, năm trưng cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định tư pháp.

3. Trường hợp trưng cầu giám định bổ sung hoặc trưng cầu giám định lại thì quyết định trưng cầu giám định phải ghi rõ là trưng cầu giám định bổ sung hoặc trưng cầu giám định lại và lý do của việc giám định bổ sung hoặc giám định lại.

4. Trong trường hợp cần thiết, trước khi ra quyết định trưng cầu giám định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trao đổi với cá nhân, tổ chức dự kiến được trưng cầu giám định và cơ quan có liên quan về nội dung trưng cầu, thời hạn giám định, thông tin, tài liệu, mẫu vật cần cho việc giám định và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).

5. Trường hợp nội dung cần giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực, thuộc trách nhiệm của nhiều tổ chức thì người trưng cầu giám định phải tách riêng từng nội dung để trưng cầu tổ chức có chuyên môn phù hợp thực hiện giám định.

Trường hợp các nội dung giám định liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn có quan hệ mật thiết với nhau, thuộc trách nhiệm của nhiều tổ chức mà việc tách riêng từng nội dung gây khó khăn cho việc thực hiện giám định, ảnh hưởng đến tính chính xác của kết quả giám định hoặc kéo dài thời gian giám định thì người trưng cầu giám định phải xác định được nội dung chính cần giám định để xác định tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp trong việc thực hiện giám định.

Tổ chức chủ trì có trách nhiệm làm đầu mối tổ chức triển khai việc giám định chung và thực hiện giám định phần nội dung chuyên môn của mình.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định trưng cầu giám định, tổ chức được trưng cầu giám định tư pháp phải có văn bản cử người giám định gửi người trưng cầu giám định; đối với tổ chức phối hợp thực hiện giám định thì còn phải gửi văn bản cử người giám định cho tổ chức chủ trì việc thực hiện giám định. Tổ chức chủ trì phải tổ chức ngay việc giám định sau khi nhận được văn bản cử người của tổ chức phối hợp thực hiện giám định. Việc giám định trong trường hợp này được thực hiện theo hình thức giám định tập thể thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật này.

Trường hợp phát sinh vướng mắc trong việc trưng cầu, phối hợp thực hiện giám định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chủ trì, phối hợp với tổ chức được trưng cầu để giải quyết.

**Điều 26. Yêu cầu giám định tư pháp trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, vụ án hình sự**

1. Người yêu cầu giám định phải gửi văn bản yêu cầu giám định kèm theo đối tượng giám định, các tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có) và bản sao giấy tờ chứng minh mình là đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ đến cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

2. Văn bản yêu cầu giám định tư pháp phải có các nội dung sau đây:

a) Tên tổ chức hoặc họ, tên người yêu cầu giám định;

b) Nội dung yêu cầu giám định;

c) Tên và đặc điểm của đối tượng giám định;

d) Tên tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

đ) Ngày, tháng, năm yêu cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định;

e) Chữ ký, họ, tên người yêu cầu giám định.

**Điều 26a. Thời hạn giám định tư pháp trong trường hợp trưng cầu giám định**[[30]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx" \l "_ftn30" \o ")

1. Thời hạn giám định tư pháp được tính từ ngày cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định nhận được quyết định trưng cầu giám định và kèm theo đầy đủ hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật cần thiết cho việc giám định.

Trong quá trình thực hiện giám định, trường hợp cần phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu làm cơ sở cho việc giám định thì cá nhân, tổ chức được trưng cầu có văn bản đề nghị người đã trưng cầu giám định bổ sung hồ sơ, tài liệu. Thời gian từ khi cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định có văn bản đề nghị đến khi nhận được hồ sơ, tài liệu bổ sung không tính vào thời hạn giám định.

2. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

3. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này tối đa là 03 tháng. Trường hợp vụ việc giám định có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn thì thời hạn giám định tối đa là 04 tháng.

Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp căn cứ vào thời hạn giám định tối đa và tính chất chuyên môn của lĩnh vực giám định quy định thời hạn giám định tư pháp cho từng loại việc cụ thể. Thời hạn giám định tư pháp có thể được gia hạn theo quyết định của cơ quan trưng cầu giám định nhưng không quá một phần hai thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.

4. Người trưng cầu giám định có thể thống nhất về thời hạn giám định với cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định trước khi trưng cầu giám định tư pháp nhưng không được vượt quá thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp có vấn đề phát sinh hoặc có cơ sở cho rằng vụ việc giám định không thể hoàn thành đúng thời hạn thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người trưng cầu giám định và thời gian dự kiến hoàn thành, ra kết luận giám định.

**Điều 27. Giao nhận hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định**

1. Hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định được giao, nhận trực tiếp hoặc gửi cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định qua đường bưu chính.

2. Việc giao, nhận trực tiếp hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định phải được lập thành biên bản. Biên bản giao, nhận phải có nội dung sau đây:

a) Thời gian, địa điểm giao, nhận hồ sơ giám định;

b) Họ, tên người đại diện của bên giao và bên nhận đối tượng giám định;

c) Quyết định trưng cầu hoặc văn bản yêu cầu giám định; đối tượng cần giám định; tài liệu, đồ vật có liên quan;

d) Cách thức bảo quản đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận;

đ) Tình trạng đối tượng giám định, tài liệu, đồ vật có liên quan khi giao, nhận;

e) Chữ ký của người đại diện bên giao và bên nhận đối tượng giám định.

3. Việc gửi hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định qua đường bưu chính phải được thực hiện theo hình thức gửi dịch vụ có số hiệu. Cá nhân, tổ chức nhận hồ sơ được gửi theo dịch vụ có số hiệu có trách nhiệm bảo quản, khi mở niêm phong phải lập biên bản theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với việc giao, nhận đối tượng giám định pháp y, pháp y tâm thần là con người thì người trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định quản lý đối tượng giám định trong quá trình thực hiện giám định.

5. Khi việc thực hiện giám định hoàn thành, cá nhân, tổ chức thực hiện giám định có trách nhiệm giao lại đối tượng giám định cho người trưng cầu, yêu cầu giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người trưng cầu, yêu cầu giám định có trách nhiệm nhận lại đối tượng giám định theo quy định của pháp luật.

Việc giao, nhận lại đối tượng giám định sau khi việc giám định đã hoàn thành được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

**Điều 28. Giám định cá nhân, giám định tập thể**

1. Giám định cá nhân là việc giám định do 01 người thực hiện. Giám định tập thể là việc giám định do 02 người trở lên thực hiện.

2. Trong trường hợp giám định cá nhân thì người giám định thực hiện việc giám định, ký vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định đó.

3. Trong trường hợp giám định tập thể về một lĩnh vực chuyên môn thì những người giám định cùng thực hiện việc giám định, ký vào bản kết luận giám định chung và cùng chịu trách nhiệm về kết luận giám định đó; nếu có ý kiến khác thì giám định viên ghi ý kiến của mình vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm về ý kiến đó.

Trường hợp giám định tập thể thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau thì mỗi người giám định thực hiện phần việc giám định thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình và chịu trách nhiệm cá nhân về phần kết luận giám định đó.

**Điều 29. Giám định bổ sung, giám định lại**

1. Việc giám định bổ sung được thực hiện trong trường hợp nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh vấn đề mới liên quan đến tình tiết của vụ án, vụ việc đã được kết luận giám định trước đó. Việc trưng cầu, yêu cầu giám định bổ sung được thực hiện như giám định lần đầu.

2. Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác hoặc trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật này.

3. Người trưng cầu giám định tự mình hoặc theo đề nghị của người yêu cầu giám định quyết định việc trưng cầu giám định lại. Trường hợp người trưng cầu giám định không chấp nhận yêu cầu giám định lại thì phải thông báo cho người yêu cầu giám định bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Điều 30. Hội đồng giám định**

1. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một nội dung giám định thì việc giám định lại lần thứ hai do người trưng cầu giám định quyết định. Việc giám định lại lần thứ hai phải do Hội đồng giám định thực hiện.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý về lĩnh vực cần giám định quyết định thành lập Hội đồng để thực hiện giám định lại lần thứ hai. Hội đồng giám định gồm có ít nhất 03 thành viên là những người có chuyên môn cao và có uy tín trong lĩnh vực cần giám định. Hội đồng giám định hoạt động theo cơ chế giám định tập thể quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật này.

2. Trong trường hợp đặc biệt, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định việc giám định lại sau khi đã có kết luận của Hội đồng giám định.

**Điều 31. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp**[[31]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx" \l "_ftn31" \o ")

1. Người thực hiện giám định tư pháp phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ, trung thực bằng văn bản toàn bộ quá trình thực hiện vụ việc giám định.

2. Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp nêu rõ tình trạng đối tượng gửi giám định và thông tin, tài liệu có liên quan gửi kèm theo làm căn cứ để thực hiện giám định, thời gian, địa điểm, nội dung công việc, tiến độ, phương pháp thực hiện giám định, kết quả thực hiện và phải có chữ ký của người giám định tư pháp.

Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp phải được lưu trong hồ sơ giám định.

**Điều 32. Kết luận giám định tư pháp**[[32]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx" \l "_ftn32" \o ")

1. Kết luận giám định tư pháp phải bằng văn bản, bao gồm các nội dung sau đây:

a) Họ, tên người giám định tư pháp; tổ chức thực hiện giám định tư pháp;

b) Tên cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, họ, tên người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định tư pháp; số văn bản trưng cầu giám định hoặc họ, tên người yêu cầu giám định;

c) Thông tin xác định đối tượng giám định;

d) Thời gian nhận văn bản trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp;

đ) Nội dung yêu cầu giám định;

e) Phương pháp thực hiện giám định;

g) Kết luận rõ ràng, cụ thể về nội dung chuyên môn của đối tượng cần giám định theo trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp;

h) Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định.

2. Trong trường hợp trưng cầu, yêu cầu cá nhân thực hiện giám định tư pháp thì bản kết luận giám định tư pháp phải có chữ ký và ghi rõ họ, tên của người giám định tư pháp. Trường hợp yêu cầu tổ chức cử người giám định thì bản kết luận giám định tư pháp phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ, tên của người giám định tư pháp và có xác nhận chữ ký của tổ chức cử người giám định.

Trường hợp trưng cầu, yêu cầu tổ chức thực hiện giám định tư pháp thì ngoài chữ ký, họ, tên của người giám định, người đứng đầu tổ chức còn phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định tư pháp và tổ chức được trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp phải chịu trách nhiệm về kết luận giám định tư pháp.

Trường hợp Hội đồng giám định quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật này thực hiện giám định thì người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng phải ký tên, đóng dấu vào bản kết luận giám định tư pháp và chịu trách nhiệm về tư cách pháp lý của Hội đồng giám định.

3. Trong trường hợp việc giám định được thực hiện trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, theo đúng trình tự, thủ tục do Luật này quy định thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể sử dụng kết luận giám định đó như kết luận giám định tư pháp.

**Điều 33. Hồ sơ giám định tư pháp**

1. Hồ sơ giám định tư pháp do người thực hiện giám định tư pháp lập bao gồm:

a) Quyết định trưng cầu, văn bản yêu cầu giám định và tài liệu kèm theo (nếu có);

b) Biên bản giao, nhận hồ sơ, đối tượng trưng cầu, yêu cầu giám định;

c) Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định;

d) Bản ảnh giám định (nếu có);

đ) Kết luận giám định trước đó hoặc kết quả xét nghiệm, thực nghiệm giám định do người khác thực hiện (nếu có);

e) Tài liệu khác có liên quan đến việc giám định (nếu có);

g) Kết luận giám định tư pháp.

2.[[33]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn33) Hồ sơ giám định tư pháp phải được lập theo mẫu thống nhất.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm quy định chi tiết về mẫu, thành phần hồ sơ từng loại việc giám định và chế độ lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

3.[[34]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn34) Tổ chức được trưng cầu, thực hiện giám định tư pháp chịu trách nhiệm bảo quản, lưu trữ hồ sơ giám định tư pháp do người giám định thuộc tổ chức mình thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của bộ, ngành, cơ quan mình.

Người thực hiện giám định có trách nhiệm bàn giao hồ sơ giám định tư pháp cho cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của bộ, ngành, cơ quan mình.

4.[[35]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn35) Hồ sơ giám định tư pháp được xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng giải quyết vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự.

**Điều 34. Các trường hợp không được thực hiện giám định tư pháp**

1. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được thực hiện giám định tư pháp:

a) Thuộc một trong các trường hợp mà pháp luật về tố tụng quy định phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi;

b) Được trưng cầu giám định lại về cùng một nội dung trong vụ án, vụ việc mà mình đã thực hiện giám định, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được thực hiện giám định tư pháp:

a) Có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng;

b) Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng tổ chức này có thể không khách quan, vô tư trong khi thực hiện giám định.

**Điều 35. Tương trợ tư pháp về giám định tư pháp**

1. Việc yêu cầu cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện giám định tư pháp chỉ được thực hiện nếu đối tượng cần giám định đang ở nước ngoài hoặc khả năng chuyên môn, điều kiện về trang thiết bị, phương tiện giám định của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trong nước không đáp ứng được yêu cầu giám định.

2. Cá nhân, tổ chức giám định tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng nước ngoài.

3. Trình tự, thủ tục, chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về giám định tư pháp giữa Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

**Chương VI**

**CHI PHÍ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

**Điều 36. Chi phí giám định tư pháp**[[36]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx" \l "_ftn36" \o ")

1. Người trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định có trách nhiệm trả chi phí giám định tư pháp cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về chi phí giám định tư pháp.

2. Kinh phí thanh toán chi phí giám định tư pháp mà cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm chi trả được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo dự toán hằng năm của cơ quan đó để thực hiện nhiệm vụ giám định tư pháp.

**Điều 37. Chế độ đối với người giám định tư pháp và người tham gia giám định tư pháp**

1. Giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, người giúp việc cho người giám định tư pháp đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước, người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trách nhiệm có mặt, thực hiện nhiệm vụ trong thời gian thực hiện giám định đối với trường hợp khám nghiệm tử thi, mổ tử thi, khai quật tử thi thì được hưởng bồi dưỡng giám định tư pháp theo vụ việc giám định.

1a.[[37]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn37) Việc thực hiện giám định tư pháp của công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng là hoạt động công vụ. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có trách nhiệm bảo đảm đủ thời gian và các điều kiện cần thiết khác cho việc thực hiện giám định. Người thực hiện giám định được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Người giám định tư pháp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc không do Nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động tiếp nhận và thực hiện giám định tư pháp trên cơ sở thỏa thuận với người trưng cầu giám định, người yêu cầu giám định.

2. Ngoài chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp theo vụ việc quy định tại khoản 1 Điều này, giám định viên tư pháp chuyên trách thuộc tổ chức giám định tư pháp công lập được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề và các phụ cấp khác.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

**Điều 38. Chính sách đối với hoạt động giám định tư pháp**

1. Tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của Chính phủ.

2.[[38]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn38) Người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc có đóng góp tích cực cho hoạt động giám định tư pháp thì được tôn vinh, khen thưởng.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào khả năng, điều kiện thực tế và thẩm quyền của mình quy định chế độ, chính sách khác để thu hút chuyên gia, tổ chức có năng lực tham gia hoạt động giám định tư pháp.

**Chương VII**

**TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP**

**Điều 39. Cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp**

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

2. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

3. Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và bộ, cơ quan ngang bộ khác thực hiện quản lý nhà nước và chịu trách nhiệm trước Chính phủ về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực do mình quản lý; phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thống nhất quản lý nhà nước về giám định tư pháp.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương.

**Điều 40. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp**

1. Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp và hướng dẫn thi hành các văn bản đó.

Chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ chiến lược,[[39]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn39) kế hoạch phát triển chung về giám định tư pháp; phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng chiến lược,[[40]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn40) kế hoạch phát triển theo từng lĩnh vực giám định tư pháp.

2. Có ý kiến bằng văn bản về việc thành lập tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc thẩm quyền quyết định của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý lĩnh vực chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trong trường hợp cần thiết, đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thành lập tổ chức giám định tư pháp công lập để đáp ứng yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng.

3. Xây dựng chương trình bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho giám định viên tư pháp; phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ trong việc tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kiến thức pháp luật cho giám định viên tư pháp.

4. Tập hợp, lập và đăng tải danh sách chung về cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

5. Đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giám định tư pháp của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; yêu cầu bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp; báo cáo Chính phủ về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp trong phạm vi toàn quốc.

6. Chủ trì hoặc đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp.

7. Thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác quốc tế về giám định tư pháp.

**Điều 41. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ**[[41]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx" \l "_ftn41" \o ")

1. Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giám định tư pháp ở lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý và hướng dẫn thi hành các văn bản đó;

b) Ban hành quy trình giám định; ban hành hoặc hướng dẫn áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp; căn cứ yêu cầu và tính chất đặc thù của lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý quy định cụ thể về thời hạn đối với từng loại việc giám định;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc quyết định thành lập, củng cố, kiện toàn tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Luật này; phân công đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ làm đầu mối quản lý chung công tác giám định tư pháp;

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp thẻ, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo thẩm quyền; công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin điện tử của bộ, ngành mình, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp;

đ) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm số lượng, chất lượng hoạt động của người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp; bảo đảm kinh phí, trang thiết bị, phương tiện giám định và điều kiện vật chất cần thiết khác cho cá nhân, tổ chức giám định thuộc bộ, ngành mình quản lý;

e) Hằng năm, đánh giá chất lượng hoạt động của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý; kịp thời tôn vinh, khen thưởng cá nhân, tổ chức giám định tư pháp có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp;

g) Quy định điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giám định của Văn phòng giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý;

h) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp, kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý;

i) Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý; phối hợp với Bộ Tư pháp trong công tác kiểm tra, thanh tra về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp theo quy định tại khoản 6 Điều 40 của Luật này;

k) Thực hiện hợp tác quốc tế về giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý;

l) Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổng kết về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

2. Cơ quan thuộc Chính phủ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng quy trình giám định đề nghị bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp ban hành theo thẩm quyền;

b) Công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin điện tử của cơ quan mình, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp; hằng năm, tổng kết, gửi Bộ Tư pháp báo cáo về hoạt động giám định tư pháp của cơ quan mình;

c) Nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm đ, e và h khoản 1 Điều này.

**Điều 42. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng**

Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 41 của Luật này, Bộ Y tế, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Bộ Y tế có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Quản lý nhà nước về lĩnh vực giám định pháp y, pháp y tâm thần;

b) Ban hành quy chuẩn chuyên môn trong lĩnh vực giám định pháp y, pháp y tâm thần;

c) Quy định cụ thể tiêu chuẩn giám định viên pháp y, giám định viên pháp y tâm thần;

d) Đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ nghiệp vụ giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 của Luật này.

2. Bộ Công an có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Quản lý nhà nước về lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự;

b) Ban hành quy chuẩn chuyên môn trong lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự;

c) Quy định cụ thể tiêu chuẩn giám định viên kỹ thuật hình sự;

d) Đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ nghiệp vụ giám định kỹ thuật hình sự theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 của Luật này;

đ)[[42]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn42) Ban hành chỉ tiêu thống kê, thực hiện thống kê hằng năm về trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý;

e) Hướng dẫn cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý áp dụng các quy định của pháp luật về trưng cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp;

g) Bảo đảm kinh phí, hướng dẫn chi trả chi phí giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý;

h)[[43]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn43) Hằng năm, tổng kết và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp, đồng thời gửi bộ, ngành có liên quan về tình hình trưng cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý; chỉ đạo Công an cấp tỉnh gửi báo cáo về Sở Tư pháp, đồng thời gửi sở, ngành có liên quan về tình hình trưng cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, nhu cầu giám định ở địa phương;

i)[[44]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn44) Lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí bảo đảm chi trả chi phí giám định tư pháp; trường hợp kinh phí được cấp không đủ thì lập dự toán để cấp bổ sung bảo đảm chi trả kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3.[[45]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn45) Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm đ, e, g và i khoản 2 Điều này; hằng năm, tổng kết và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp, đồng thời gửi bộ, ngành có liên quan về tình hình trưng cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan điều tra thuộc thẩm quyền quản lý.

**Điều 43. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a)[[46]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn46) Thành lập tổ chức giám định tư pháp công lập; quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp;

b)[[47]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn47) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp thẻ, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp theo thẩm quyền; công nhận danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở địa phương; đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp;

c)[[48]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn48) Bảo đảm kinh phí, trang thiết bị, phương tiện giám định và điều kiện vật chất cần thiết khác cho cá nhân, tổ chức giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý;

d)[[49]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn49) Tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho người giám định tư pháp ở địa phương;

đ)[[50]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn50) Hằng năm, đánh giá chất lượng hoạt động của cá nhân, tổ chức giám định tư pháp ở địa phương theo quy định của Chính phủ, kịp thời tôn vinh, khen thưởng cá nhân, tổ chức giám định tư pháp có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp và báo cáo kết quả cho Bộ Tư pháp;

e) Kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về giám định tư pháp theo thẩm quyền; phối hợp với Bộ Tư pháp trong công tác kiểm tra, thanh tra về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp theo quy định tại khoản 6 Điều 40 của Luật này;

g) Báo cáo Bộ Tư pháp về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở địa phương, đồng thời gửi bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước quy định tại các điều 40, 41 và 42 của Luật này.

2.[[51]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn51) Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương; chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn khác giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc lĩnh vực quản lý; phối hợp với Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương; phân công đơn vị làm đầu mối giúp cơ quan chuyên môn trong việc quản lý công tác giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

**Điều 44. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao**

1. Hướng dẫn áp dụng các quy định của pháp luật về trưng cầu giám định và đánh giá, sử dụng kết luận giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân.

2.[[52]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn52) Ban hành chỉ tiêu thống kê, thực hiện thống kê về trưng cầu, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, nhu cầu giám định trong hệ thống cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và báo cáo Quốc hội trong báo cáo công tác hằng năm, đồng thời gửi báo cáo về Bộ Tư pháp, bộ, ngành có liên quan; chỉ đạo Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo về Sở Tư pháp, đồng thời gửi sở, ngành có liên quan về tình hình trưng cầu giám định tư pháp, đánh giá việc thực hiện giám định tư pháp và sử dụng kết luận giám định tư pháp, nhu cầu giám định ở địa phương.

3. Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về trưng cầu, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định tư pháp.

4.[[53]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn53) Lập dự toán và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp kinh phí bảo đảm chi trả chi phí giám định tư pháp, chi phí tham dự phiên tòa của người giám định trong hệ thống cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; trường hợp kinh phí được cấp không đủ thì lập dự toán để cấp bổ sung bảo đảm chi trả kịp thời, đầy đủ chi phí giám định tư pháp và chi phí tham dự phiên tòa của người giám định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5.[[54]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn54) Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định việc bố trí vị trí của người giám định tư pháp khi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

6.[[55]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn55) Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thành lập, củng cố, kiện toàn tổ chức của Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao; đăng tải và cập nhật danh sách giám định viên tư pháp trên cổng thông tin điện tử của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, đồng thời gửi danh sách đó cho Bộ Tư pháp; kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp của Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc thẩm quyền quản lý; hằng năm, đánh giá chất lượng hoạt động giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý; kịp thời tôn vinh, khen thưởng cá nhân, tổ chức giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý có thành tích xuất sắc trong hoạt động giám định tư pháp; trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổng kết về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý và gửi báo cáo về Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

**Chương VIII**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**[[56]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx" \l "_ftn56" \o ")

**Điều 45. Hiệu lực thi hành**

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

2. Pháp lệnh Giám định tư pháp số [24/2004/PL-UBTVQH11](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/phap-lenh-giam-dinh-tu-phap-2004-24-2004-pl-ubtvqh11-53177.aspx) hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

3.[[57]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftn57) ***(được bãi bỏ)***

**Điều 46. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành**

Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật./.

[[1]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref1) Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch có căn cứ ban hành như sau:

“*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều có liên quan đến quy hoạch của Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12, Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13, Luật Đường sắt số 06/2017/QH14, Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 48/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13, Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật Đất đai số 45/2013/QH13, Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13, Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12, Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13, Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13, Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13, Luật Đê điều số 79/2006/QH11, Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12, Luật Đo lường số 04/2011/QH13, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13, Luật Xuất bản số 19/2012/QH13, Luật Báo chí số 103/2016/QH13, Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2017/QH14, Luật Hải quan số 54/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 71/2014/QH13, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2010/QH12, Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 31/2009/QH12, Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 77/2015/QH13, Luật Dầu khí năm 1993**đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 19/2000/QH10 và Luật số 10/2008/QH12, Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 92/2015/QH13, Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13, Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 46/2014/QH13 và Luật số 97/2015/QH13, Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12, Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 và Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12*”.

Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp có căn cứ ban hành như sau:

“*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14*”*.*

[[2]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref2) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[3]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref3) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[4]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref4) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[5]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref5) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[6]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref6) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[7]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref7) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[8]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref8) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[9]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref9) Tên Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[10]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref10) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[11]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref11) Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[12]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref12) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[13]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref13) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[14]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref14) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[15]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref15) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[16]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref16) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[17]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref17) Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[18]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref18) Cụm từ “cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” được thay bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại khoản 28 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[19]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref19) Cụm từ “cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” được thay bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại khoản 28 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[20]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref20) Cụm từ “cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” được thay bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” theo quy định tại khoản 28 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[21]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref21) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[22]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref22) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[23]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref23) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[24]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref24) Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[25]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref25) Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[26]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref26) Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[27]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref27) Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[28]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref28) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[29]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref29) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[30]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref30) Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[31]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref31) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 17 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[32]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref32) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[33]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref33) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[34]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref34) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[35]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref35) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[36]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref36) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[37]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref37) Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[38]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref38) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[39]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref39) Cụm từ “quy hoạch và” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

[[40]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref40) Cụm từ “quy hoạch và” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

[[41]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref41) Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[42]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref42) Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 24 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[43]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref43) Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 24 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[44]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref44) Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 24 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[45]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref45) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 24 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[46]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref46) Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 25 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[47]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref47) Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 25 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[48]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref48) Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 25 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[49]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref49) Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 25 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[50]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref50) Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 25 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[51]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref51) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 25 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[52]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref52) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 26 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[53]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref53) Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 26 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[54]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref54) Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 26 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[55]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref55) Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 26 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

[[56]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref56) Điều 31 của Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 quy định như sau:

“***Điều 31. Hiệu lực thi hành***

*Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.*”.

Điều 2 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 quy định như sau:

“***Điều 2. Hiệu lực thi hành***

*Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.*”.

[[57]](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Van-ban-hop-nhat-01-VBHN-VPQH-2020-Luat-Giam-dinh-tu-phap-457470.aspx#_ftnref57) Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 27 Điều 1 của Luật số 56/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ --------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc --------------------** |
| Số: 1450/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2020* |

**QUYẾT ĐỊNH**

BAN HÀNH KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015:*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3; - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Văn phòng Quốc hội; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc; - Lưu: VT, PL (2b). | **THỦ TƯỚNG   *đã ký***  **Nguyễn Xuân Phúc** |

**KẾ HOẠCH**

TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP  
*(Kèm theo Quyết định số 1450/QĐ-TTg ngày 24 tháng 9 năm 2020 của*

*Thủ tướng Chính phủ)*

Để triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp đã được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật này với các nội dung sau đây:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Mục đích

Xác định các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành, kết quả đầu ra và trách nhiệm, cơ chế phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp (sau đây gọi tắt là “Luật”) kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trên phạm vi cả nước.

2. Yêu cầu

a) Xác định các nội dung công việc triển khai thi hành Luật một cách cụ thể, rõ ràng, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở trung ương và địa phương, cơ quan tiến hành tố tụng ở trung ương và các cơ quan có liên quan, bảo đảm chất lượng, tiết kiệm và tiến độ hoàn thành công việc.

b) Đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật; kịp thời phát hiện và xử lý các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

**II. NỘI DUNG**

1. Tổ chức quán triệt việc thi hành và phổ biến nội dung của Luật

a) Tổ chức Hội nghị trực tuyến triển khai Luật (điểm cầu Trung ương và 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan tiến hành tố tụng cấp trung ương và cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2020.

b) Tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung và việc thi hành Luật bằng hình thức phù hợp cho đội ngũ người làm giám định, đội ngũ quản lý công tác giám định tư pháp và đội ngũ người tiến hành tố tụng

- Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao phổ biến, quán triệt nội dung của Luật cho đội ngũ người tiến hành tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Từ quý IV năm 2020.

2. Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến giám định tư pháp; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật

a) Ở trung ương:

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp (làm đầu mối tổng hợp kết quả rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ).

- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan có liên quan (trực tiếp thực hiện việc rà soát, gửi kết quả rà soát về Bộ Tư pháp).

b) Ở địa phương:

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2020.

d) Sản phẩm: Báo cáo cáo kết quả rà soát và đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật trình Thủ tướng Chính phủ đối với các văn bản do các cơ quan trung ương ban hành, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với văn bản do địa phương ban hành.

3. Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới văn bản quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật

a) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.

- Thời gian trình Chính phủ: Quý IV năm 2020.

b) Ban hành Thông tư quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2020.

c) Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Thông tư quy định về trình tự thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp thẻ, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp đối với lĩnh vực giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ

- Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan ngang bộ.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2021.

d) Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới Thông tư quy định về quy trình giám định (trong đó quy định cụ thể thời hạn giám định đối với từng loại việc giám định); ban hành hoặc hướng dẫn áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp theo yêu cầu và đặc thù của từng lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ

- Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và cơ quan có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2021.

đ) Ban hành hướng dẫn về mẫu, thành phần hồ sơ và chế độ lưu trữ hồ sơ giám định từng loại việc giám định

- Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý lĩnh vực giám định tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và cơ quan có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2021.

e) Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 03/2013/TT-BCA ngày 10 tháng 01 năm 2013 về sử dụng kinh phí điều tra trong lực lượng công an nhân dân theo hướng tách riêng mục dự toán ngân sách bảo đảm nguồn kinh phí chi trả đầy đủ, kịp thời chi phí giám định, bồi dưỡng giám định

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và cơ quan có liên quan.

- Thời hạn hoàn thành: Quý I năm 2021.

g) Sửa đổi, bổ sung Thông tư quy định về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện giám định tối thiểu cho tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự cho phù hợp với thực tế và bảo đảm hiệu quả đầu tư

- Cơ quan ban hành: Bộ Y tế đối với lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần: Bộ Công an đối với lĩnh vực kỹ thuật hình sự.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và cơ quan có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2021.

h) Ban hành hướng dẫn về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện giám định của các tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức chuyên môn khi thực hiện giám định ở từng lĩnh vực

- Cơ quan ban hành: Các bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp.

Cơ quan thuộc Chính phủ trinh bộ, cơ quan ngang bộ quản lý lĩnh vực chuyên môn ban hành hướng dẫn về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị phương tiện giám định của các tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức, chuyên môn được trưng cầu thực hiện giám định ở lĩnh vực, chuyên ngành của cơ quan mình theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và cơ quan có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2021.

i) Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các quy định về chi phí giám định tư pháp; ban hành theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm hoàn thiện pháp luật về chi phí giám định tư pháp, bảo đảm phù hợp với thực tế và tính chất đặc thù của hoạt động giám định tư pháp

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2021.

k) Nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện quy định hướng dẫn về căn cứ, cách thức, trình tự, thủ tục trưng cầu giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.

- Cơ quan phối hợp: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng và cơ quan có liên quan.

- Thời hạn hoàn thành: Quý I năm 2021.

l) Ban hành hướng dẫn về vị trí phù hợp cho người giám định tư pháp bảo đảm nhiệm vụ tham gia tố tụng tại phiên tòa

- Cơ quan chủ trì: đề nghị Tòa án nhân dân tối cao.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và cơ quan có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2021.

m) Ban hành chỉ tiêu thống kê và tổ chức thực hiện thống kê về giám định tư pháp trong hệ thống cơ quan điều tra, kiểm sát, tòa án các cấp để phục vụ cho việc báo cáo Quốc hội và cung cấp thông tin, số liệu cho cơ quan quản lý nhà nước về giám định tư pháp

- Cơ quan chủ trì và phối hợp:

+ Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp ban hành chỉ tiêu thống kê và thực hiện thống kê về trưng cầu, yêu cầu giám định, đánh giá việc thực hiện giám định và sử dụng kết luận giám định trong hoạt động tố tụng hình sự gắn với việc thực hiện thống kê hình sự.

+ Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và cơ quan có liên quan ban hành chỉ tiêu thống kê và thực hiện thống kê về trưng cầu, yêu cầu giám định, đánh giá việc thực hiện giám định, sử dụng kết luận giám định trong hoạt động tố tụng dân sự, hành chính.

- Thời hạn ban hành chỉ tiêu thống kê: Tháng 12 năm 2020.

- Thời gian bắt đầu thực hiện thống kê: Từ tháng 01 năm 2021.

n) Nghiên cứu, rà soát về giải pháp thực hiện chế độ chính sách thu hút, động viên đối với đội ngũ người làm giám định tư pháp phù hợp với tình hình cải cách tiền lương (sau khi có Đề án cải cách tiền lương)

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và cơ quan có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Sau khi có Đề án cải cách tiền lương.

4. Thành lập Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao

- Cơ quan chủ trì: đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ và cơ quan có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2020.

5. Củng cố, phát triển đội ngũ cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo hướng gắn với nhu cầu giám định thực tế của hoạt động tố tụng (rà soát, đổi mới quy trình bổ nhiệm, cấp thẻ giám định viên tư pháp và công nhận, đăng tải danh sách người, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc; rà soát, cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp)

- Cơ quan thực hiện:

+ Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp trung ương và cấp tỉnh cung cấp số liệu, dự báo nhu cầu giám định cho các cơ quan quản lý giám định tư pháp cùng cấp làm cơ sở cho việc rà soát, củng cố đội ngũ cá nhân, tổ chức giám định tư pháp.

+ Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện rà soát, củng cố đội ngũ cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo quy định của Luật.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và cơ quan có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Từ tháng 01 năm 2021.

6. Phân công đơn vị làm đầu mối trong việc quản lý chung công tác giám định tư pháp ở từng lĩnh vực giám định; đơn vị làm đầu mối tham mưu, thống kê về giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng

- Cơ quan thực hiện: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cơ quan tiến hành tố tụng cấp trung ương và cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 12 năm 2020.

7. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giám định tư pháp và kiến thức pháp lý cho người làm giám định tư pháp; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức về giám định tư pháp cho người tiến hành tố tụng

a) Rà soát, chỉnh lý hoặc xây dựng mới nội dung, chương trình, tài liệu chuẩn phục vụ cho việc đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giám định cho đội ngũ người giám định tư pháp theo yêu cầu và đặc thù của từng lĩnh vực giám định

- Cơ quan chủ trì: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2021.

b) Rà soát, hoàn thiện chương trình, tài liệu về kiến thức pháp lý cho đội ngũ người giám định tư pháp

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Quý I năm 2021.

c) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giám định, kiến thức pháp lý cần thiết và cấp chứng chỉ cho người chuẩn bị được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự theo quy định của Luật Giám định tư pháp; tập huấn, đào tạo lại cho đội ngũ giám định viên pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự

- Cơ quan chủ trì: Bộ Y tế, Bộ Công an.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Thời gian thực hiện:

+ Rà soát, hoàn thiện nội dung, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giám định, kiến thức pháp lý cần thiết trước khi bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự: Hoàn thành vào tháng 12 năm 2020.

+ Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ giám định, kiến thức pháp lý cần thiết và cấp chứng chỉ cho người chuẩn bị được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp ở lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự; tập huấn, đào tạo lại cho đội ngũ giám định viên pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự: hằng năm.

d) Tổ chức bồi dưỡng hoặc tập huấn nghiệp vụ giám định và kiến thức pháp lý cần thiết cho đội ngũ giám định viên tư pháp, người giám định tư pháp theo vụ việc, cán bộ chuyên môn làm giám định

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ khác và cơ quan thuộc Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức bồi dưỡng hoặc tập huấn về kiến thức pháp lý cho đội ngũ người làm giám định tư pháp ở địa phương mình.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp.

- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

đ) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về giám định tư pháp cho đội ngũ người tiến hành tố tụng thuộc hệ thống cơ quan điều tra các cấp

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng đối với đội ngũ điều tra viên, cán bộ điều tra thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành mình.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và cơ quan có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

8. Kiểm tra, thanh tra tình hình tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp và thực hiện trách nhiệm về giám định tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng

a) Tăng cường kiểm tra, thanh tra tình hình tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp, việc thực hiện nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương và việc thực hiện trách nhiệm về giám định tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Cơ quan chủ trì:

+ Bộ Tư pháp kiểm tra, thanh tra tình hình tổ chức, hoạt động, quản lý nhà nước ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương, tình hình thực hiện trách nhiệm về giám định tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng; các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra, thanh tra tình hình tổ chức, hoạt động, quản lý giám định tư pháp ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý hoặc cơ quan mình.

Các cơ quan điều tra, kiểm sát, tòa án cấp trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp tiến hành kiểm tra, thanh tra tình hình thực hiện trách nhiệm về giám định tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng thuộc thẩm quyền quản lý.

+ Sở Tư pháp kiểm tra, thanh tra tình hình tổ chức, hoạt động, quản lý nhà nước ở địa phương; kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm về giám định tư pháp của các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động giám định ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

b) Tăng cường theo dõi, đôn đốc, tổ chức họp giao ban liên ngành để thông tin, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của các bộ, ngành, địa phương và kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn về giám định tư pháp.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp trung ương, cơ quan khác có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

9. Đánh giá công tác giám định tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý, tôn vinh, khen thưởng tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động giám định tư pháp

- Cơ quan chủ trì: Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp, cơ quan tiến hành tố tụng cấp trung ương và cấp tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Hằng năm.

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan có liên quan trong phạm vi quản lý của bộ, ngành và địa phương mình chủ động, tích cực triển khai thực hiện Kế hoạch này theo nhiệm vụ được phân công, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí.

Căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tiễn, các bộ, cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thi hành Luật tại bộ, ngành, địa phương mình. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc thì kịp thời phản ánh về Bộ Tư pháp để được hướng dẫn giải quyết và gửi báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các cấp bảo đảm kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ của các bộ, ngành và địa phương.

3. Bộ Tư pháp theo dõi, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan khác trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được nêu trong Kế hoạch theo đúng tiến độ và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Kế hoạch này.

4. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hàng năm và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể quy định trong Kế hoạch này có trách nhiệm lập dự toán kinh phí bảo đảm việc triển khai thi hành Luật, gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán ngân sách hàng năm theo quy định của pháp luật.

Đối với các hoạt động trong Kế hoạch được triển khai trong năm 2020, các bộ, ngành và địa phương được phân công thực hiện có trách nhiệm dự toán bổ sung và sắp xếp, bố trí trong nguồn ngân sách năm 2020 để tổ chức thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  Số: ...../2020/NĐ-CP | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP**

**ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và**

**biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;*

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp**

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức giám định tư pháp công lập; việc thành lập và đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp; chính sách ưu đãi đối với Văn phòng giám định tư pháp; *quyết định công nhận* *người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc*; nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, *cơ quan thuộc Chính phủ,* Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) đối với hoạt động giám định tư pháp.”

2. Điểm b khoản 1 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“b) *Xây dựng quy trình,* quy chuẩn giám định pháp y trình Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;”

3. Điểm b khoản 1 Điều 7 được sửa đổi như sau:

“b) *Xây dựng quy trình,* quy chuẩn giám định pháp y tâm thần trình Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;”

4. Điểm b khoản 1 Điều 9 được sửa đổi như sau:

“b) *Xây dựng quy trình,* quy chuẩn giám định kỹ thuật hình sự trình Bộ trưởng Bộ Công an ban hành;”

5. Khoản 2 Điều 21 được sửa đổi như sau:

“2. Trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì chậm nhất là 30 ngày trước thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động, Văn phòng giám định tư pháp phải có báo cáo bằng văn bản gửi Sở Tư pháp, nơi đăng ký hoạt động.

Văn phòng giám định tư pháp phải *gửi kèm theo báo cáo giấy tờ chứng minh đã* hoàn thành việc thực hiện giám định đối với các trưng cầu, yêu cầu giám định tư pháp đã tiếp nhận, *nộp đủ số thuế còn nợ,* thanh toán *xong* các khoản nợ theo quy định của pháp luật*,* làm thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đã ký với người lao động, đăng báo Trung ương hoặc báo địa phương trong hai số liên tiếp về thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động.

*Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chấm dứt hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Sở Tư pháp trình hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định chấm dứt hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.*

*Trong thời hạn 07 ngày làm việc,* Sở Tư pháp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động *đến Văn phòng giám định tư pháp* và các cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này.”

6. Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 23. *Công nhận và đăng tải, hủy bỏ công nhận* người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc**

*1. Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn của hoạt động tố tụng, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 18, tổ chức có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 19 của Luật Giám định tư pháp ra quyết định công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý.*

*2. Danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc được đăng tải trên cổng thông tin của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và gửi cho Bộ Tư pháp.*

*3.* Trường hợp có sự thay đổi về thông tin liên quan đến người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã được công nhận thì bộ, cơ quan ngang bộ, *cơ quan thuộc Chính phủ,* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm điều chỉnh danh sách và gửi cho Bộ Tư pháp.

*4. Người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc đã được lựa chọn, lập và công bố trước ngày 01 tháng 01 năm 2021, nếu còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì được công nhận là người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp.*

*5. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 18, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc không còn có đủ điều kiện quy định tại Điều 19 của Luật Giám định tư pháp.”*

***7. Điều 26 được sửa đổi, bổ sung như sau:***

*“***Điều 26. Chế độ phụ cấp đối với giám định viên tư pháp *và người tham gia giám định tư pháp***

*1.* Giám định viên tư pháp hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm, công việc giám định tư pháp.

Giám định viên tư pháp thuộc tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần thuộc ngành y tế được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề.

*2. Giám định viên tư pháp và người tham gia giám định tư pháp thuộc tổ chức giám định tư pháp công lập về pháp y thuộc ngành y tế được hưởng chế độ phụ cấp thường trực.”*

8. Điểm d, điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Bộ Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định về mã số hoặc chức danh nghề nghiệp đối với giám định viên tư pháp chuyên trách và người tham gia hoạt động giám định tư pháp thuộc các tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần *trong ngành y tế*; *xây dựng chế độ phụ cấp thường trực đối với giám định viên tư pháp và người tham gia giám định tư pháp thuộc tổ chức giám định tư pháp công lập về pháp y thuộc ngành y tế trình cơ quan có thẩm quyền ban hành;* theo dõi, đôn đốc, tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với giám định viên tư pháp chuyên trách và người tham gia hoạt động giám định tư pháp thuộc các tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y, pháp y tâm thần.

*Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu quy định hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định* *chức danh giám định viên tư pháp chuyên trách và người tham gia hoạt động giám định tư pháp thuộc các tổ chức giám định tư pháp công lập trong Công an nhân dân theo quy định của pháp luật; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình thực hiện các chế độ, chính sách đãi ngộ đối với giám định viên tư pháp chuyên trách và người tham gia hoạt động giám định tư pháp thuộc các tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự;”*

“đ) Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, *Bộ Quốc phòng* thực hiện việc kiểm tra, thanh tra về hoạt động giám định pháp y trong ngành công an *và quốc phòng.* Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện việc kiểm tra, thanh tra về hoạt động giám định kỹ thuật hình sự trong quân đội; *phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hiện việc kiểm tra về hoạt động giám định kỹ thuật hình sự trong cơ quan kiểm sát;”*

“g) Bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm rà soát, đăng tải danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng Thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ; *hủy bỏ công nhận người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc,* đồng thời gửi Bộ Tư pháp để điều chỉnh trong danh sách chung;”

9*.* Điểm b khoản 2 Điều 27 được sửa đổi như sau:

b) Rà soát, đăng tải và cập nhật danh sách cá nhân, tổ chức giám định tư pháp trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời gửi danh sách cho Bộ Tư pháp.”

10. Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

“1. Sở Tư pháp có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn *thuộc* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp thẩm định hồ sơ xin phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp, chuyển đổi loại hình hoạt động, thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp trình *Chủ tịch* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định; chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn *thuộc* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp;

b) Chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan chuyên môn *thuộc* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho *người giám định* tư pháp ở địa phương;

c) Phối hợp với Sở Y tế xây dựng đề án trình *Chủ tịch* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, củng cố, kiện toàn tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực pháp y;

d) Phối hợp với cơ quan chuyên môn *thuộc* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp trong việc trình *Chủ tịch* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương;

*đ) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp;*

*e)* Phối hợp với cơ quan chuyên môn *thuộc* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp trong việc lựa chọn để trình *Chủ tịch* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *ra quyết định công nhận, ra quyết định hủy bỏ công nhận* người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở địa phương;

*g)* Hàng năm, chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan chuyên môn *thuộc* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp đánh giá về tổ chức, chất lượng hoạt động giám định tư pháp ở địa phương; đề xuất với Ủy ban nhân nhân cấp tỉnh các giải pháp để bảo đảm số lượng, chất lượng của đội ngũ người giám định tư pháp đáp ứng kịp thời, có chất lượng yêu cầu giám định của hoạt động tố tụng ở địa phương;

*h)* Chủ trì hoặc phối hợp với cơ quan chuyên môn *thuộc* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý lĩnh vực giám định tư pháp kiểm tra, thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về giám định tư pháp theo thẩm quyền;

*i)* Báo cáo Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp ở địa phương *theo quy định của pháp luật về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và quy định về chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.*”

2. Cơ quan chuyên môn *thuộc* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp trong việc lựa chọn và đề nghị *Chủ tịch* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp;

*b)* *Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, cấp lại, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp;*

*c)* Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp trong việc lựa chọn để trình *Chủ tịch* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *ra quyết định công nhận, ra quyết định hủy bỏ công nhận* người giám định tư pháp theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc ở địa phương;

*d)* Lập dự toán kinh phí hoạt động cho tổ chức giám định tư pháp công lập thuộc mình quản lý;

*đ)* Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp trong việc tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho giám định viên tư pháp ở địa phương;

*e)* Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Tư pháp trong việc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về giám định tư pháp; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền;

*g)* Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc thẩm định hồ sơ xin phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp, chuyển đổi loại hình hoạt động, thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định, đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp;

*h)* Hàng năm, báo cáo bộ, cơ quan ngang bộ quản lý lĩnh vực chuyên môn về giám định tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tổ chức, hoạt động giám định tư pháp thuộc lĩnh vực quản lý chuyên môn của mình ở địa phương; đồng thời gửi báo cáo về Sở Tư pháp để tổng hợp chung; *thực hiện chế độ thi đua khen thưởng đối với cá nhân, tổ chức giám định tư pháp theo quy định của pháp luật;*

*i)* Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại điểm *a,* *b,* *c,* *d, đ*, *e, h* khoản 2 Điều này, Sở Y tế có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp trình *Chủ tịch* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, củng cố, kiện toàn Trung tâm pháp y cấp tỉnh.

*11. Bổ sung Điều 28a vào sau Điều 28 như sau:*

***“Điều 28a. Cách thức thực hiện thủ tục hành chính về giám định tư pháp***

*Cá nhân, tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về giám định tư pháp và quy định của pháp luật có liên quan khi thực hiện thủ tục hành chính về giám định tư pháp.*

*12. Thay thế cụm từ “cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 17 bằng cụm từ “cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”*

***Điều 2. Bãi bỏ một số khoản tại Điều 29 của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp***

*Bãi bỏ khoản 3, 4 Điều 29.*

***Điều 3. Điều khoản thi hành***

*1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ......... tháng 01 năm 2021.*

*2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc CP;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Văn phòng Quốc hội;  - Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Tòa án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Cổng TTĐT;  - Công báo;  - Lưu: VT, PL (3b). | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG**  **Nguyễn Xuân Phúc** |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2020/TT - BTP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**THÔNG TƯ**

**Quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới,**

**cấp lại thẻ giám định viên tư pháp**

*Căn cứ Luật Giám định tư pháp ngày 20 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp ngày 10 tháng 6 năm 2020 (Luật Giám định tư pháp);*

*Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp;*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với giám định viên tư pháp; các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp và quản lý thẻ giám định viên tư pháp.

**Điều 3.** **Nguyên tắc chung**

1. Thẻ giám định viên tư pháp được cấp cho giám định viên tư pháp để sử dụng khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của giám định viên tư pháp.

2. Giám định viên tư pháp có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn thẻ được cấp; không được tẩy, xóa, sửa chữa, cho mượn; không sử dụng thẻ vào mục đích cá nhân.

**Chương II**

**THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP MỚI, CẤP LẠI THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP**

**Điều 4. Thẻ giám định viên tư pháp**

Thẻ giám định viên tư pháp bao gồm các nội dung sau:

1. Hình dáng, kích thước

Thẻ giám định viên tư pháp hình chữ nhật, chiều dài 90mm, chiều rộng 65 mm, độ dày 0,76 mm, được dán ép bằng màng dán Plastic, gồm 02 mặt. Nền mặt trước là hình ảnh trống đồng và các hoa văn, các họa tiết trang trí, in màu vàng; nền mặt sau màu đỏ đun.

2. Nội dung mặt trước, tiếp giáp với lề trái, từ trên xuống gồm các thông tin sau:

a) Góc trên cùng là tên cơ quan cấp thẻ giám định viên tư pháp, được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 6, kiểu chữ đứng, đậm. Dưới tên cơ quan cấp thẻ giám định viên tư pháp có đường kẻ liền có độ dài bằng từ 1/3 đến 1/2 độ dài dòng chữ và được canh giữa;

b) Ảnh của người được cấp thẻ giám định viên tư pháp (2cm x 3cm), được canh giữa dưới tên cơ quan cấp thẻ giám định viên tư pháp.

3. Nội dung mặt trước, tiếp giáp với lề phải, từ trên xuống gồm các thông tin sau:

a) Quốc hiệu: “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”**:Được trình bày bằng chữ in hoa, màu đen, cỡ chữ 6, kiểu chữ đứng, đậm và ở phía trên cùng;

b) Tiêu ngữ: “**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”**:Được trình bày bằng chữ in thường, màu đen, cỡ chữ 6, kiểu chữ đứng, đậm và được canh giữa dưới Quốc hiệu; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối (-), có cách chữ; phía dưới có dòng kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ. Dưới Tiêu ngữ có đường kẻ liền có độ dài bằng độ dài dòng chữ và được canh giữa Tiêu ngữ;

c) Dòng chữ “**THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP**”: Được trình bày bằng chữ in hoa, màu đỏ, cỡ chữ 8, kiểu chữ đứng, đậm; được canh giữa dưới Tiêu ngữ;

d) Số thẻ: Gồm mã bộ, cơ quan ngang bộ, mã tỉnh (quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này) và 04 chữ số tiếp theo là số thứ tự của thẻ, được đánh liên tiếp từ số 0001 được ghi bằng chữ số Ả Rập;

đ) Ký hiệu thẻ bao gồm: Chữ viết tắt tên thẻ (GĐTP) và chữ viết tắt tên cơ quan cấp thẻ, được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 8, kiểu chữ đứng.

Số thẻ và ký hiệu thẻ được canh giữa dòng chữ “THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP”.

e) Họ và tên của người được cấp thẻ: Được trình bày bằng chữ in thường, màu đen, đậm, cỡ chữ 8, kiểu chữ đứng, đậm;

g) Ngày, tháng, năm sinh của người được cấp thẻ: Ghi bằng chữ số Ả Rập;

h) Lĩnh vực giám định: Được trình bày bằng chữ in thường, màu đen, cỡ chữ 8, kiểu chữ đứng;

i) Nơi công tác: Được trình bày bằng chữ in thường, màu đen, cỡ chữ 8, kiểu chữ đứng (ghi rõ đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ hoặc đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh);

k) Nơi cấp, ngày, tháng, năm cấp: Được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 8, kiểu chữ nghiêng, số ngày, tháng năm ghi bằng chữ số Ả Rập;

l) Chức vụ người có thẩm quyền cấp thẻ(Bộ trưởng/Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh): Được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 6, kiểu chữ đứng, đậm;

m) Họ tên người ký: Được trình bày bằng chữ in thường, màu đen, cỡ chữ 6, kiểu chữ đứng, đậm.

4. Nội dung mặt sau gồm các thông tin sau:

Mặt sau thẻ giám định viên tư pháp có hình Quốc huy in nổi ở giữa, đường kính 2,5cm. Phía trên Quốc huy là dòng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”,in bằng chữ in hoa, màu vàng, cỡ chữ 8, kiểu chữ đứng, đậm. Phía dưới Quốc huy là dòng chữ“THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP”, in bằng chữ in hoa, màu vàng, cỡ chữ 10, kiểu chữ đứng, đậm.

Phông chữ ghi trên thẻ là phông chữ tiếng Việt Times New Roman, bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001.

5. Con dấu trên thẻ giám định viên tư pháp

Con dấu trên thẻ giám định viên tư pháp là con dấu có hình Quốc huy thu nhỏ của cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ giám định viên tư pháp, mực dấu màu đỏ, ảnh của giám định viên tư pháp dán trên thẻ được đóng giáp lai bằng dấu nổi (ở ¼ dưới góc phải ảnh).

**Điều 5. Đối tượng được** **cấp mới thẻ giám định viên tư pháp**

1. Người được bổ nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Giám định viên tư pháp được bổ nhiệm trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 và không thuộc trường hợp bị miễn nhiệm theo quy định tại Điều 10 của Luật Giám định tư pháp.

**Điều 6. Cấp mới thẻ đối với người được bổ nhiệm giám định viên tư pháp từ ngày 01 tháng 01 năm 2021**

1. Người đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 8 Luật Giám định tư pháp kèm theo 02 ảnh màu chân dung cỡ 2cm x 3cm (chụp trong thời gian 6 tháng gần nhất) để phục vụ việc cấp thẻ. Thời hạn ra quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp thực hiện theo quy định tại Điều 9 Luật Giám định tư pháp.

Quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp kèm theo hồ sơ được chuyển đến đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được phân công làm đầu mối quản lý chung công tác giám định tư pháp, Sở Tư pháp.

2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp kèm theo hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được phân công làm đầu mối quản lý chung công tác giám định tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện cấp thẻ giám định viên tư pháp.

**Điều 7. Cấp mới thẻ đối với giám định viên tư pháp được bổ nhiệm trước ngày 01 tháng 01 năm 2021**

1. Giám định viên tư pháp được bổ nhiệm trước ngày 01 tháng 01 năm 2021, không thuộc các trường hợp bị miễn nhiệm quy định tại Điều 10 Luật Giám định tư pháp thì được cấp thẻ giám định viên tư pháp.

Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được phân công làm đầu mối quản lý chung công tác giám định tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc bộ, cơ quan ngang bộ rà soát, lập hồ sơ trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định cấp thẻ cho giám định viên tư pháp.

Giám đốc Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh rà soát, lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp thẻ cho giám định viên tư pháp.

2. Hồ sơ đề nghị cấp thẻ đối với giám định viên tư pháp đã được bổ nhiệm trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được phân công làm đầu mối quản lý chung công tác giám định tư pháp hoặc Tờ trình của Sở Tư pháp về việc cấp thẻ giám định viên tư pháp;

b) Danh sách giám định viên tư pháp theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) 02 ảnh màu chân dung cỡ 2cm x 3cm (chụp trong thời gian 6 tháng gần nhất) của giám định viên tư pháp.

3. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp thẻ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp thẻ giám định viên tư pháp.

4. Việc rà soát, cấp thẻ giám định viên tư pháp cho những trường hợp quy định tại Điều này được thực hiện xong trước ngày 30 tháng 9 năm 2021.

**Điều 8. Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp**

1. Thẻ giám định viên tư pháp được cấp lại trong trường hợp thẻ đã được cấp bị mất, bị hỏng (rách, bẩn, mờ) không thể sử dụng được hoặc có sự thay đổi thông tin đã được ghi trên thẻ.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp có xác nhận của cơ quan quản lý giám định viên tư pháp (Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) về việc mất thẻ (trường hợp thẻ bị mất) hoặc xác nhận nội dung thông tin ghi trên thẻ đã được thay đổi;

b) Thẻ giám định viên tư pháp đang sử dụng trong trường hợp có sự thay đổi thông tin đã được ghi trên thẻ); thẻ giám định viên tư pháp trong trường hợp thẻ cũ bị rách, bẩn, mờ (nếu còn);

c) 02 ảnh màu chân dung cỡ 2cm x 3cm (chụp trong thời gian 6 tháng gần nhất) của người đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

3. Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được phân công làm đầu mối quản lý chung công tác giám định tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ được phân công làm đầu mối quản lý chung công tác giám định tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thẻ giám định viên tư pháp cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng không thể sử dụng được giữ nguyên số thẻ đã được cấp trước.

Thẻ giám định viên tư pháp cấp lại trong trường hợp thay đổi nội dung thông tin ghi trên thẻ được đánh số mới theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

**Điều 9. Mẫu thẻ, giấy tờ, mã số bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

Ban hành kèm theo Thông tư này là mẫu giấy tờ phục vụ cho việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp, mẫu thẻ và mã số bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cụ thể như sau:

1. 8 mẫu giấy tờ với tên gọi và ký hiệu như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên biểu mẫu** | **Ký hiệu** |
| 1 | Quyết định về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp (dùng cho bộ, cơ quan ngang bộ đối với trường hợp giám định viên tư pháp được bổ nhiệm từ ngày 01/01/2021) | Mẫu số 1 |
| 2 | Quyết định về việc bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp (dùng cho Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với trường hợp giám định viên tư pháp bổ nhiệm từ ngày 01/01/2021) | Mẫu số 2 |
| 3 | Quyết định về việc cấp thẻ giám định viên tư pháp (dùng cho bộ, cơ quan ngang bộ đối với trường hợp giám định viên tư pháp bổ nhiệm trước ngày 01/01/2020) | Mẫu số 3 |
| 4 | Quyết định về việc cấp thẻ giám định viên tư pháp (dùng cho Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với trường hợp giám định viên tư pháp bổ nhiệm trước ngày 01/01/2021) | Mẫu số 4 |
| 5 | Đơn đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp | Mẫu số 5 |
| 6 | Quyết định về việc cấp lại thẻ giám định viên tư pháp (dùng cho bộ, cơ quan ngang bộ) | Mẫu số 6 |
| 7 | Quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp (dùng cho Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) | Mẫu số 7 |
| 8 | Mẫu thẻ giám định viên tư pháp | Mẫu số 8 |

2. Mã số Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

a) Mã bộ, cơ quan ngang bộ

| **Mã số** | **Bộ ngành** |  | **Mã số** | **Bộ ngành** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 64 | Bộ Quốc phòng | 74 | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 65 | Bộ Công an | 75 | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 66 | Bộ Ngoại giao | 76 | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| 67 | Bộ Tư pháp | 77 | Bộ Nội vụ |
| 68 | Bộ Tài chính | 78 | Bộ Y tế |
| 69 | Bộ Công Thương | 79 | Bộ Khoa học và Công nghệ |
| 70 | Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội | 80 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 71 | Bộ Giao thông vận tải | 81 | Bộ Tài nguyên và Môi trường |
| 72 | Bộ Xây dựng | 82 | Thanh tra Chính phủ |
| 73 | Bộ Thông tin và Truyền thông | 83 | Ngân hàng nhà nước Việt Nam |

b) Mã số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

| **Mã số** | **Tỉnh, TP trực thuộc TW** |  | **Mã số** | **Tỉnh, TP trực thuộc TW** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 01 | Hà Nội | 33 | Quảng Ngãi |
| 02 | Hải Phòng | 34 | Bình Định |
| 03 | Hải Dương | 35 | Phú Yên |
| 04 | Hưng Yên | 36 | Khánh Hòa |
| 05 | Hà Nam | 37 | Kon Tum |
| 06 | Nam Định | 38 | Gia Lai |
| 07 | Thái Bình | 39 | Đắk Lắk |
| 08 | Ninh Bình | 40 | Tp Hồ Chí Minh |
| 09 | Hà Giang | 41 | Lâm Đồng |
| 10 | Cao Bằng | 42 | Ninh Thuận |
| 11 | Lào Cai | 43 | Bình Phước |
| 12 | Bắc Kạn | 44 | Tây Ninh |
| 13 | Lạng Sơn | 45 | Bình Dương |
| 14 | Tuyên Quang | 46 | Đồng Nai |
| 15 | Yên Bái | 47 | Bình Thuận |
| 16 | Thái Nguyên | 48 | Bà Rịa-Vũng Tàu |
| 17 | Phú Thọ | 49 | Long An |
| 18 | Vĩnh Phúc | 50 | Đồng Tháp |
| 19 | Bắc Giang | 51 | An Giang |
| 20 | Bắc Ninh | 52 | Tiền Giang |
| 21 | Quảng Ninh | 53 | Vĩnh Long |
| 22 | Điện Biên | 54 | Bến Tre |
| 23 | Sơn La | 55 | Kiên giang |
| 24 | Hòa Bình | 56 | Cần Thơ |
| 25 | Thanh Hóa | 57 | Trà Vinh |
| 26 | Nghệ An | 58 | Sóc Trăng |
| 27 | Hà Tĩnh | 59 | Bạc Liêu |
| 28 | Quảng Bình | 60 | Cà Mau |
| 29 | Quảng Trị | 61 | Lai Châu |
| 30 | Thừa Thiên Huế | 62 | Đắk Nông |
| 31 | Đà Nẵng | 63 | Hậu Giang |
| 32 | Quảng Nam |

**Chương III**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 10. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng ....... năm 2021.

**Điều 11. Tổ chức thực hiện**

Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị phản ánh về Bộ Tư pháp để có hướng dẫn kịp thời./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Viện kiểm sát nhân dân tối cao;  - Tòa án nhân dân dân tối cao;  - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Kiểm toán nhà nước;  - Bộ Tư pháp: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, Cục KTVBQPPL;  - UBND, Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Công báo;  - Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;  - Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;  - Lưu: VT, BTTP. | **BỘ TRƯỞNG**  **Lê Thành Long** |

1. Đã có 40 văn bản từ Nghị định đến Thông tư, Thông tư liên tịch, Quy chế phối hợp liên ngành về giám định tư pháp được ban hành trong quá trình tổ chức thực hiện Luật giám định tư pháp. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đến nay, cả nước có: (1) 143 tổ chức giám định tư pháp công lập; (2) 197 tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc và 01 Văn phòng giám định tư pháp ; (3) có 6.154 giám định viên tư pháp và 1.670 người giám định tư pháp theo vụ việc. [↑](#footnote-ref-2)
3. Bộ Tư pháp nhận được Kế hoạch triển khai Luật của 15 địa phương như: Nam Định, Tây Ninh, Bình Định, Lạng Sơn, Lâm Đồng, Gia Lai, Ninh Thuận, Đồng Nai, Điện Biên, Hải Phòng, Quảng Bình, Hà Nam, Hậu Giang, Lào Cai, Yên Bái; và 02 cơ quan ở Trung ương là Bảo Hiểm xã hội Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao. [↑](#footnote-ref-3)
4. Đối với Bộ Công an: Năm 2013 bố trí *190* tỷ đồng; Năm 2014 bố trí *350* tỷđồng; Năm 2015 bố trí *400* tỷđồng; Năm 2016 bố trí *350* tỷ đồng; Năm 2017 bố trí *320* tỷ đồng; Năm 2018 bố trí *330* tỷ đồng; Năm 2019 bố trí *330* tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-4)
5. Đối với Bộ Quốc phòng: Năm 2013 là *156* tỷ đồng; Năm 2014 là *156* tỷ đồng; Năm 2015 là *161,2* tỷ đồng; Năm 2016 là *161,17* tỷ đồng; Năm 2017 là *163* tỷ đồng; Năm 2018 là *163* tỷ đồng; Năm 2019 là *163* tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-5)
6. Đối với Tòa án nhân dân tối cao: Năm 2013 là *2.306,410* tỷ đồng; Năm 2014 là *2.335,9* tỷ đồng; Năm 2015 là *2.904,821* tỷ đồng; Năm 2016 là *2.871,660* tỷ đồng; Năm 2017 là 3.225,115 tỷ đồng; Năm 2018 là 3.229,980 tỷ đổng; Năm 2019 là 3.314,9 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-6)
7. Đối với Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Năm 2013 là *2.462,72* tỷ đồng; Năm 2014 là *2.567,38* tỷ đồng; Năm 2015 là *2.707,771* tỷđồng; Năm 2016 là *2.837,840*  tỷ đồng; Năm 2017 là *2.973,010* tỷ đồng; Năm 2018 là *2.986,080* tỷ đồng; năm 2019 là 3.037 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-7)